

UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *1500* /SYT-NVY

Bắc Giang, ngày 26 tháng 10 năm 2016

V/v góp ý dự thảo “Hướng dẫn triển khai công tác quản lý Nhà nước về an toàn thực phẩm”

Kính gửi:

- Các đơn vị thành viên Ban Chỉ đạo và Tổ công tác liên ngành về an toàn thực phẩm tỉnh Bắc Giang;
- UBND các huyện, thành phố.

Thực hiện Kết luận số 296/TB-UBND ngày 24/8/2016 của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Ánh Dương tại Hội nghị kiểm điểm công tác an toàn thực phẩm (ATTP) 7 tháng đầu năm, triển khai nhiệm vụ những tháng cuối năm 2016.

Sở Y tế đề nghị các đơn vị thành viên Ban Chỉ đạo và Tổ công tác liên ngành về ATTP tỉnh; UBND các huyện, thành phố (*đề nghị UBND huyện, thành phố lấy ý kiến góp ý của các đơn vị liên quan và UBND xã, phường, thị trấn trên địa bàn*) triển khai lấy ý kiến góp ý vào bản dự thảo “Hướng dẫn triển khai công tác quản lý Nhà nước về ATTP” (*văn bản dự thảo đính kèm*).

Đề nghị các đơn vị gửi văn bản góp ý về Sở Y tế theo địa chỉ email: chicucativstp@bacgiang.gov.vn **trước ngày 10/11/2016** để tổng hợp, hoàn thiện và trình Trưởng Ban Chỉ đạo liên ngành tỉnh về ATTP xem xét, ban hành ./.


Nơi nhận:

- Lưu: VT, NVY.

Bản điện tử:

- UBND tỉnh (B/cáo);
- Như trên;
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- Chi cục ATVSTP.

GIÁM ĐỐC



SỞ
Y TẾ
TỈNH BẮC GIANG

Ông Thế Viên

Số: /HD-BCĐ

Bắc Giang, ngày tháng năm 2016

DỰ THẢO

HƯỚNG DẪN

Triển khai công tác quản lý Nhà nước về an toàn thực phẩm

Căn cứ Luật an toàn thực phẩm (ATTP) năm 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương.

Để các ngành, các cấp triển khai đồng bộ, hiệu quả đối với công tác quản lý Nhà nước về ATTP theo quy định của pháp luật hiện hành, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Ban chỉ đạo liên ngành về ATTP tỉnh hướng dẫn triển khai, thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về ATTP tại các cấp, các ngành, tiến tới kiểm soát chặt chẽ toàn bộ “chuỗi cung cấp thực phẩm”, góp phần bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm, năng lực chỉ đạo, điều hành và triển khai các biện pháp bảo đảm ATTP mang tính bền vững đối với “chuỗi cung cấp thực phẩm” của các cấp, các ngành từ tỉnh đến xã, phường nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Yêu cầu

- Tăng cường sự phối hợp giữa các cấp, các ngành để triển khai có hiệu quả công tác bảo đảm ATTP trên địa bàn tỉnh.

- Xác định rõ nhiệm vụ của từng ngành, từng địa phương, đơn vị và nhiệm vụ của từng cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình triển khai, thực hiện công tác quản lý nhà nước về ATTP.

- Chủ động lồng ghép việc chỉ đạo, điều hành công tác bảo đảm ATTP ngay từ khi lập kế hoạch, triển khai, kiểm tra, đánh giá, báo cáo ở các cấp, các ngành nhằm giảm tối đa việc ban hành các văn bản hành chính không cần thiết đối với lĩnh vực ATTP.

II. NGUYÊN TẮC PHÂN CÔNG, PHỐI HỢP THỰC HIỆN

1. Việc triển khai công tác quản lý nhà nước về ATTP theo Hướng dẫn này được thực hiện bảo đảm việc quản lý xuyên suốt toàn bộ quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm kể từ khi sản xuất ban đầu nông, lâm, thủy sản, muối đến khi trở thành hàng hóa lưu thông trên thị trường, bao gồm trong suốt quá trình sản xuất, thu gom, giết mổ, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh.

2. Đảm bảo nguyên tắc một sản phẩm, một cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm chỉ chịu sự quản lý, kiểm tra của một cơ quan quản lý nhà nước; việc tổ chức quản lý, kiểm tra, giám sát đối với cơ sở thực phẩm, nhóm sản phẩm thực phẩm phải được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; theo hướng dẫn phân công, phân cấp, phối hợp quản lý của các Bộ, ngành Trung ương và của địa phương.

3. Việc phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về ATTP đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm kinh doanh nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc từ 2 ngành quản lý trở lên được thực hiện theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương.

4. Trong quá trình quản lý, thanh tra, kiểm tra cơ sở thực phẩm có sự chồng chéo giữa các ngành, các cấp thì Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp, thống nhất để triển khai thực hiện, tránh việc gây phiền hà, làm ảnh hưởng đến quá trình sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân.

5. Nâng cao chất lượng quản lý, đánh giá, phân loại điều kiện bảo đảm ATTP đối với các cơ sở thực phẩm để có cơ sở triển khai thực hiện cải cách hành chính, giảm số lượt thanh tra, kiểm tra cơ sở thực phẩm và tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI

1. Công tác chỉ đạo, điều hành: Các đơn vị thường trực về ATTP tại các cấp chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu cho UBND, BCĐLN về ATTP cùng cấp chỉ đạo, điều hành, triển khai toàn diện công tác quản lý nhà nước về ATTP theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Một số nội dung các ngành, các cấp cần tập trung chỉ đạo, điều hành hằng năm:

- Xây dựng kế hoạch triển khai cả năm (*có nội dung tăng cường trong dịp Tết Nguyên đán, Lễ hội xuân trước ngày 15/01 hàng năm; Tháng hành động về ATTP, mùa hè, Tết Trung thu các sự kiện do tỉnh, địa phương tổ chức...; thanh tra, kiểm tra, giám sát liên ngành, chuyên ngành*) trong đó lồng ghép nội dung chỉ đạo của cấp trên và địa phương đã ban hành như: Kế hoạch số 959/KH-UBND ngày 15/5/2012 của UBND tỉnh Bắc Giang về thực hiện Chiến lược quốc gia ATTP giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn 2030; Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 20/01/2015 của UBND tỉnh về tăng cường công tác bảo đảm ATTP trong tình hình mới; Kế hoạch số 1542/KH-UBND ngày 03/6/2016 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về ATTP và các văn bản liên quan về lĩnh vực ATTP do UBND tỉnh, các sở, ngành của tỉnh ban hành.

+ Tổ chức điều tra, phân loại, lập sổ theo dõi cơ sở thực phẩm thuộc phạm vi quản lý theo phân công, phân cấp trước 20/10 hàng năm. Danh sách cơ sở thực phẩm là cơ sở đề phòng Y tế chủ động/phối hợp với các phòng NN&PTNT/kinh tế, phòng Công thương tham mưu cho UBND huyện, thành phố xây dựng kế hoạch kiểm tra liên ngành/chuyên ngành về ATTP. Chú ý rà soát tránh chồng chéo trong kiểm tra cơ sở thực phẩm tại các tuyến.

+ Trước quý I hàng năm, các đơn vị chủ động tham mưu cho UBND/BCĐ liên ngành về ATTP xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra định kỳ cơ sở thực phẩm của năm để phê duyệt và gửi cấp trên (*thời gian đối với: tuyến xã trước ngày 01/11; tuyến huyện trước ngày 15/11; tuyến tỉnh trước ngày 01/12*).

+ Tại các cấp xây dựng, đăng ký chỉ tiêu kế hoạch thực hiện công tác quản lý nhà nước về ATTP của năm theo trách nhiệm được phân công với cơ quan cấp trên (*thời gian thực hiện: đối với tuyến xã gửi trước ngày 01/12; tuyến huyện gửi trước ngày 15/12; tuyến tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch trước ngày 25/12*); xây dựng kế hoạch triển khai công tác đảm bảo ATTP năm; đề các đơn vị chức năng, cá nhân được giao nhiệm vụ quản lý ATTP trên địa bàn triển khai thực hiện.

+ Trước ngày 20/3 hàng năm, các đơn vị chủ động phối hợp đề tham mưu cho UBND xây dựng kế hoạch triển khai Tháng hành động vì chất lượng vệ sinh ATTP (yêu cầu các kế hoạch phải thống nhất và nêu rõ được các nội dung hoạt động của cả ba lĩnh vực Y tế; Công thương; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Riêng đối với một số nội dung mới phát sinh giao cho các đơn vị chuyên môn được phân công có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể cho tuyến dưới. Các kế hoạch phát sinh trong những dịp cao điểm như bảo đảm ATTP trong dịp Tết trung thu và các chuyên đề khác theo chỉ đạo của cấp trên.

+ Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch chuyên môn đã được tỉnh giao thực hiện trong năm. Trước ngày 20/2 hàng năm, Phòng Y tế phối hợp với TTYT và các phòng NN&PTNT/kinh tế, phòng Kinh tế hạ tầng tham mưu cho UBND huyện, thành phố giao chỉ tiêu kế hoạch chuyên môn về quản lý ATTP cho UBND xã, phường, thị trấn và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, thành phố để triển khai thực hiện.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát triển khai công tác quản lý nhà nước về ATTP của các phòng, đơn vị chuyên môn thuộc UBND huyện và UBND/ BCĐLN xã, phường, thị trấn; tổ chức các lớp tập huấn nâng cao hiệu quả hoạt động của BCĐ liên ngành về ATTP, củng cố bộ máy các cơ quan quản lý nhà nước về ATTP tại các cấp.

- Phối hợp triển khai vận động và giám sát ATTP của UBMTQ các cấp và các đơn vị thành viên.

- Xây dựng đội ngũ cộng tác viên về ATTP ở các cấp, các ngành, các địa phương; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, kiến thức pháp luật về ATTP đến các nhóm đối tượng.

2. Công tác quản lý và phân công, phân cấp kiểm tra, chứng nhận cơ sở thực phẩm

2.1. Phân công quản lý, kiểm tra cơ sở thực phẩm/ sản phẩm thực phẩm

2.1.1. Đối với ngành NN&PTNT

Thực hiện quản lý ATTP trong suốt quá trình sản xuất ban đầu, sản xuất, thu gom, giết mổ, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh đối với các cơ sở thực phẩm/sản phẩm thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành NN&PTNT trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

(Chi tiết quản lý và phân công quản lý theo phụ lục 1 kèm theo).

2.1.2. Đối với ngành Công Thương

Thực hiện quản lý ATTP trong suốt quá trình sản xuất, chế biến, bảo quản, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh đối với các cơ sở thực phẩm/ sản phẩm thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành công thương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

(Chi tiết quản lý và phân công quản lý theo phụ lục 2 kèm theo).

2.1.3. Đối với ngành Y tế

Thực hiện quản lý ATTP trong suốt quá trình sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh đối với các cơ sở thực phẩm/ sản phẩm thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành y tế trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

(Chi tiết quản lý và phân công quản lý theo phụ lục 3 kèm theo).

2.2. Công tác thống kê, đánh giá, phân loại cơ sở thực phẩm

- Trước 20/10 hằng năm, UBND xã, phường, thị trấn có trách nhiệm chỉ đạo, triển khai điều tra, thống kê, phân loại *(theo biểu mẫu 7.1 – 9.2)*; lập sổ theo dõi cơ sở thực phẩm trên địa bàn *(bao gồm các cơ sở thực phẩm do các cấp, các ngành quản lý; chủ động tách riêng số cơ sở thực phẩm do tuyến xã quản lý để theo dõi, kiểm tra theo phân cấp)*; gửi kết quả thống kê về phòng Y tế huyện, thành phố *(đơn vị thường trực về ATTP)* để tổng hợp, phân tuyến quản lý và thông báo cho Sở NN&PTNT, Sở Công Thương; Sở Y tế (Chi cục ATVSTP), các đơn vị chức năng cùng cấp để chủ động rà soát, cập nhật danh sách và quản lý theo quy định.

- Các đơn vị chức năng cấp tỉnh, huyện và UBND xã chủ động lập sổ theo dõi cơ sở thực phẩm được phân công, phân cấp quản lý bảo đảm đầy đủ, chính xác, thuận lợi trong khai thác và quản lý.

2.3. Cấp các thủ tục hành chính (TTHC); ký cam kết bảo đảm ATTP

2.3.1. Đối với cơ sở thực phẩm thuộc ngành NN&PTNT quản lý

a) Tên loại TTHC và cam kết bảo đảm ATTP:

- Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP.
- Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP.
- Cấp Giấy xác nhận kiến thức về ATTP.
- Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo về ATTP;
- Cam kết bảo đảm ATTP.

b) Trách nhiệm, thẩm quyền cấp TTHC/ ký cam kết bảo đảm ATTP

- Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản, Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Chi cục Trồng trọt và BVTV, Chi cục Thủy sản - Sở NN&PTNT:

+ Triển khai tiếp nhận, trả kết quả TTHC tại đơn vị được giao cấp TTHC hoặc tại Trung tâm hành chính công theo quy định của UBND tỉnh đối với tất cả các TTHC thuộc trách nhiệm giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo phân cấp

+ Triển khai tiếp nhận, thẩm định, giải quyết, cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP; cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP; kiểm tra, đánh

giá, cấp Giấy xác nhận kiến thức về ATTP theo quy định đối với các cơ sở thực phẩm được phân cấp quản lý.

- Phòng NN&PTNT các huyện/ phòng Kinh tế thành phố:

+ Triển khai tiếp nhận, trả kết quả TTHC tại phòng NN&PTNT/ phòng Kinh tế hoặc tại Bộ phận 1 cửa theo quy định của UBND huyện, thành phố.

+ Triển khai thẩm định, giải quyết, cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP theo quy định đối với các cơ sở thực phẩm được phân cấp quản lý.

+ Triển khai kiểm tra, đánh giá, cấp Giấy xác nhận kiến thức về ATTP theo quy định đối với các cơ sở thực phẩm được phân cấp quản lý.

- UBND xã, phường, thị trấn: Ký cam kết bảo đảm ATTP đối với các cơ sở thực phẩm được phân cấp quản lý theo quy định.

2.3.2. Đối với cơ sở thực phẩm thuộc ngành Công thương quản lý

a) Tên loại TTHC và cam kết bảo đảm ATTP:

- Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP.

- Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP.

- Cấp Giấy xác nhận kiến thức về ATTP.

- Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo về ATTP;

- Cam kết bảo đảm ATTP.

b) Trách nhiệm, thẩm quyền cấp TTHC/ ký cam kết bảo đảm ATTP: Triển khai tiếp nhận, trả kết quả TTHC tại Sở Công Thương hoặc tại Trung tâm hành chính công theo quy định của UBND tỉnh đối với tất cả các TTHC thuộc trách nhiệm của ngành công thương.

- Phòng Kỹ thuật và An toàn môi trường - Sở Công Thương

+ Triển khai thẩm định, giải quyết, cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP; cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP; kiểm tra, đánh giá, cấp Giấy xác nhận kiến thức về ATTP theo quy định đối với các cơ sở thực phẩm được phân cấp quản lý.

+ Ký cam kết bảo đảm ATTP đối với các cơ sở thực phẩm được phân cấp quản lý không thuộc diện phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP theo quy định.

- Phòng Quản lý xuất nhập khẩu - Sở Công Thương: Triển khai thẩm định, giải quyết, cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo về ATTP theo quy định đối với các cơ sở thực phẩm thuộc trách nhiệm ngành Công thương quản lý.

- Phòng Kinh tế hạ tầng/phòng Kinh tế huyện, thành phố

+ Triển khai tiếp nhận, trả kết quả cấp Giấy xác nhận kiến thức về ATTP tại phòng Kinh tế hạ tầng/ phòng Kinh tế hoặc tại Bộ phận 1 cửa theo quy định của UBND huyện, thành phố.

+ Triển khai kiểm tra, đánh giá, cấp Giấy xác nhận kiến thức về ATTP theo quy định đối với các cơ sở thực phẩm được phân cấp quản lý và các cơ sở thực phẩm do UBND xã, phường, thị trấn quản lý.

+ Ký cam kết bảo đảm ATTP đối với các cơ sở thực phẩm được phân cấp quản lý theo quy định.

- **UBND xã, phường, thị trấn:** Ký cam kết bảo đảm ATTP đối với các cơ sở thực phẩm được phân cấp quản lý theo quy định.

2.3.3. Đối với cơ sở thực phẩm thuộc ngành y tế quản lý

a) Tên loại TTHC và cam kết bảo đảm ATTP:

* **Tên loại TTHC:** Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, quảng cáo thực phẩm phải thực hiện TTHC theo quy định.

- Cấp Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy về an toàn thực phẩm.
- Cấp Giấy Xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm.
- Cấp lại Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm.
- Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.
- Cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.
- Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.
- Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo nước khoáng thiên nhiên, nước uống đóng chai, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm (không bao gồm hình thức hội nghị, hội thảo, tổ chức sự kiện).
- Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo nước khoáng thiên nhiên, nước uống đóng chai, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng.
- Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo nước khoáng thiên nhiên, nước uống đóng chai, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT.
- Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo nước khoáng thiên nhiên, nước uống đóng chai, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo.
- Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo đối với hình thức quảng cáo thông qua hội nghị, hội thảo, sự kiện giới thiệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm quy định tại Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 09/2014/TT-BYT trên địa bàn tỉnh.
- Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo đối với hình thức quảng cáo thông qua hội nghị, hội thảo, sự kiện giới thiệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng.
- Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo đối với hình thức quảng cáo thông qua hội nghị, hội thảo, sự kiện giới thiệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT.

- Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo đối với hình thức quảng cáo thông qua hội nghị, hội thảo, sự kiện giới thiệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo.

* ***Cam kết bảo đảm ATTP:*** Áp dụng đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ do cấp xã, phường quản lý; cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, không thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP.

b) Trách nhiệm, thẩm quyền cấp TTHC/ ký cam kết bảo đảm ATTP:

- ***Chi cục ATVSTP - Sở Y tế:***

+ Triển khai tiếp nhận, trả kết quả TTHC tại Trung tâm hành chính công của tỉnh theo quy định đối với tất cả các TTHC thuộc trách nhiệm của ngành Y tế.

+ Tổ chức thẩm định, giải quyết và cấp Giấy chứng nhận/ tiếp nhận/ xác nhận các TTHC thuộc trách nhiệm của ngành Y tế theo quy định đối với các cơ sở thực phẩm/ sản phẩm thực phẩm được phân công, phân cấp quản lý.

+ Ký cam kết bảo đảm ATTP đối với các cơ sở thực phẩm được phân cấp quản lý không thuộc diện phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP theo quy định.

- ***Trung tâm Y tế huyện, thành phố:***

+ Triển khai tiếp nhận, trả kết quả TTHC tại Trung tâm Y tế hoặc tại Bộ phận 1 cửa theo quy định của UBND huyện, thành phố.

+ Tổ chức thẩm định, giải quyết và cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP; cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với các cơ sở thực phẩm được phân cấp quản lý.

+ Triển khai kiểm tra, đánh giá, cấp Giấy xác nhận kiến thức về ATTP theo quy định đối với các cơ sở thực phẩm được phân cấp quản lý và các cơ sở thực phẩm do Trạm Y tế xã, phường, thị trấn quản lý.

+ Ký cam kết bảo đảm ATTP đối với các cơ sở thực phẩm được phân cấp quản lý không thuộc diện phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP theo quy định.

- ***Trạm Y tế xã, phường, thị trấn:*** Ký cam kết bảo đảm ATTP đối với các cơ sở thực phẩm được phân cấp quản lý không thuộc diện phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP theo quy định.

Ghi chú: Nội dung chuyên môn, nghiệp vụ về triển khai cấp TTHC, ký cam kết bảo đảm ATTP do Sở NN&PTNT, Sở Công Thương, Sở Y tế, UBND huyện/thành phố hướng dẫn chi tiết cho đơn vị chức năng các cấp và UBND xã, phường, thị trấn để thực hiện.

3. Công tác tập huấn và thông tin, truyền thông về ATTP

3.1. Công tác tập huấn về ATTP

a) Tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho lực lượng làm công tác ATTP: Các Sở: NN&PTNT, Công Thương, Y tế có trách nhiệm:

- Tổ chức tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác ATTP thuộc lĩnh vực từng ngành từ tỉnh đến xã, phường để bảo đảm đủ năng lực triển khai thực hiện công tác bảo đảm ATTP theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Sở Y tế chỉ đạo các đơn vị chức năng trong ngành chủ trì, phối hợp với đơn vị, địa phương liên quan triển khai tập huấn cho:

+ Thành viên Ban chỉ đạo liên ngành về ATTP cấp huyện/thành phố và xã/phường theo chỉ tiêu đề ra trong Kế hoạch phối hợp vận động và giám sát bảo đảm ATTP giữa UBND tỉnh và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Bắc Giang.

+ Lực lượng làm dịch vụ “nấu cỗ thuê” trên địa bàn tỉnh.

b) Tập huấn, cam kết bảo đảm ATTP: Các đơn vị chức năng và UBND xã, phường được giao quản lý cơ sở thực phẩm có trách nhiệm:

- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn về chuyên môn, kỹ thuật kiểm soát, bảo quản, sử dụng thực phẩm an toàn cho 100% chủ cơ sở/người quản lý của các cơ sở thực phẩm được phân công, phân cấp quản lý.

- Tổ chức ký cam kết bảo đảm ATTP với 100% số cơ sở thực phẩm được phân công quản lý không thuộc diện phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP theo quy định.

- UBND xã, phường, thị trấn có trách nhiệm triển khai ký cam kết bảo đảm ATTP với 100% số người làm dịch vụ “nấu cỗ thuê” trên địa bàn quản lý.

3.2. Công tác thông tin, truyền thông về ATTP

a) Đối tượng truyền thông: Các nhà lãnh đạo, quản lý; người sản xuất, chế biến, kinh doanh, tiêu dùng thực phẩm.

b) Hình thức truyền thông

- Truyền thông gián tiếp: Tăng thời lượng, chất lượng tuyên truyền, giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống loa đài tại địa phương; kết hợp với các hình ảnh trực quan như tranh, ảnh, pano, băng rôn, tờ rơi... để chuyển tải thông điệp truyền thông đến các nhóm đối tượng; công khai biểu dương trên thông tin đại chúng các tổ chức, cá nhân làm tốt công tác bảo đảm ATTP, đồng thời phê phán và nêu tên tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về ATTP theo quy định.

- Truyền thông trực tiếp: Huy động đội ngũ cán bộ y tế, giáo dục, công thương, nông nghiệp; Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, các hiệp hội, các tổ chức xã hội nghề nghiệp; các doanh nghiệp thực phẩm để tổ chức, triển khai hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn kiến thức pháp luật, thực hành bảo đảm ATTP thông qua hình thức tổ chức các phong trào trong cộng đồng dân cư và các cấp hội; tổ chức hội thảo, hội thi, hội nghị, nói chuyện chuyên đề; sinh hoạt câu lạc bộ, sinh hoạt chi bộ, đoàn thể và các buổi họp dân; triển khai tư vấn, hướng dẫn trực tiếp trong quá trình thanh tra, kiểm tra về ATTP.

c) Nội dung truyền thông

- Tuyên truyền các văn bản quy phạm pháp luật về bảo đảm ATTP

+ Luật và các văn bản hướng dẫn thực hiện, văn bản quy định về bảo đảm ATTP trong “Chuỗi cung cấp thực phẩm” như: Luật ATTP năm 2010; Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2006; Luật Thủy sản năm 2003; Luật Chất lượng

sản phẩm, hàng hóa năm 2007; Pháp lệnh Thú y năm 2004; Pháp lệnh Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2001; Pháp lệnh giống cây trồng năm 2004; Pháp lệnh giống vật nuôi năm 2004; Luật Thanh tra sửa đổi năm 2010; các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật, Pháp lệnh về lĩnh vực ATTP.

+ Các văn bản chỉ đạo của Đảng về công tác bảo đảm ATTP: Nghị quyết số 46-NQ/TW ngày 23/02/2005 của Bộ Chính trị về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới; Chỉ thị số 08-CT/TW ngày 12/10/2011 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với vấn đề an toàn thực phẩm trong tình hình mới.

+ Chỉ thị số 08/1999/CT-TTg ngày 15/4/1999 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác đảm bảo chất lượng vệ sinh ATTP; Chỉ thị số 06/2007/CT-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai các biện pháp cấp bách bảo đảm VSATTP; Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh công tác bảo đảm ATTP và phòng chống ngộ độc thực phẩm trong tình hình mới; Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường trách nhiệm quản lý Nhà nước về ATTP.

+ Các văn bản quy định về điều kiện bảo đảm ATTP đối với cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ thực phẩm.

+ Danh mục các hoá chất, phụ gia được sử dụng trong sản xuất, chế biến, bảo quản thực phẩm.

- Tuyên truyền, phổ biến kiến thức về ATTP; phòng ngừa ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm:

+ Kiến thức khoa học trong sản xuất, chế biến, bảo quản thực phẩm sạch, an toàn; sử dụng hoá chất, phụ gia trong sản xuất, chế biến bảo đảm an toàn.

+ Những điều cần biết về chất lượng ATTP; biện pháp phòng, chống dịch bệnh trên đàn vật nuôi; biện pháp phòng, chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm ở người.

+ Kiến thức lựa chọn, bảo quản, chế biến thực phẩm an toàn; khuyến cáo người tiêu dùng chỉ mua và chỉ sử dụng những sản phẩm thực phẩm có nguồn gốc, xuất xứ, bảo đảm ATTP; tác hại của việc sử dụng thực phẩm không bảo đảm ATTP tới sức khỏe con người; quyền lợi và nghĩa vụ của người tiêu dùng.

+ Vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội gắn với thực hiện tốt các tiêu chí bảo đảm ATTP; thay đổi những phong tục, tập quán ăn uống mất vệ sinh, ảnh hưởng tới sức khỏe và tính mạng con người.

+ Thông báo, công khai tới người tiêu dùng địa chỉ các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm được kiểm soát ATTP theo chuỗi và xác nhận an toàn.

d) Trách nhiệm thực hiện: Đơn vị truyền thông các cấp chủ động triển khai công tác tuyên truyền, giáo dục kiến thức, pháp luật về ATTP cho nhân dân theo kế hoạch, nhiệm vụ được giao; các cơ quan, đơn vị chức năng của các ngành và UBND cấp xã tăng cường phối hợp, cung cấp tài liệu, tin bài tuyên truyền về ATTP cho đơn vị truyền thông cùng cấp theo lĩnh vực từng ngành, theo từng nhóm

thực phẩm để tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng kiến thức, pháp luật về ATTP từ khâu “sản xuất, chế biến đến tiêu dùng thực phẩm”; các đoàn thanh tra, kiểm tra về ATTP các cấp phải tăng cường hướng dẫn, tư vấn cho cơ sở thực phẩm khắc phục những tồn tại và chấp hành đúng điều kiện bảo đảm ATTP theo quy định của pháp luật; duy trì việc công khai đường dây nóng về ATTP tại các cấp, các ngành, các địa phương.

4. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về ATTP

4.1. Nguyên tắc chung

- Thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng đơn vị;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các đơn vị có trách nhiệm:
 - + Chủ động chủ trì tổ chức, thực hiện việc thanh tra, kiểm tra ATTP thuộc phạm vi quản lý được phân công theo quy định hiện hành và phải thông báo bằng văn bản kết quả phối hợp thanh tra, kiểm tra cho cơ quan tham gia phối hợp;
 - + Tham gia, phối hợp với các đơn vị thuộc các ngành chức năng triển khai việc thanh tra, kiểm tra ATTP thuộc phạm vi quản lý được phân công của các bộ, ngành khác.

- Tần suất thanh tra, kiểm tra cơ sở thực phẩm: Thực hiện đúng quy định của pháp luật và quy định của tỉnh về tần suất kiểm tra đối với 01 cơ sở thực phẩm, bảo đảm nguyên tắc “một sản phẩm, một cơ sở thực phẩm chỉ chịu sự quản lý của một cơ quan quản lý nhà nước”, tránh sự chồng chéo giữa các ngành, các cấp. Trường hợp có sự trùng lặp kế hoạch thanh tra, kiểm tra thì thực hiện như sau:

+ Kế hoạch thanh tra, kiểm tra của cơ quan cấp dưới trùng với kế hoạch thanh tra, kiểm tra của cơ quan cấp trên thì thực hiện theo kế hoạch kiểm tra của cơ quan cấp trên;

+ Kế hoạch thanh tra, kiểm tra của cơ quan cùng cấp trùng nhau về địa bàn, cơ sở thì các bên trao đổi thống nhất thành lập đoàn liên ngành.

- Thực hiện theo đúng nguyên tắc, nghiệp vụ, chuyên môn, chế độ bảo mật trong hoạt động thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật.

4.2. Nội dung, trình tự tiến hành thanh tra, kiểm tra về ATTP

a) Đối với cơ quan quản lý và tham gia quản lý nhà nước về ATTP:

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá công tác chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của các cấp Ủy Đảng, của Chính phủ và Bộ, ngành Trung ương, của tỉnh và địa phương về công tác bảo đảm ATTP.

- Kiểm tra, đánh giá các hoạt động triển khai công tác bảo đảm ATTP thường xuyên trong năm và tăng cường trong các dịp cao điểm như: Tết, Lễ hội, mùa hè, Tháng hành động về ATTP, các sự kiện được tổ chức tại địa phương.

b) Đối với cơ sở thực phẩm:

- Kiểm tra hồ sơ hành chính, pháp lý của cơ sở thực phẩm: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP; báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường, kế hoạch/cam kết bảo vệ môi trường được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, xác nhận/chấp nhận theo quy định; giấy xác nhận đủ sức khỏe và giấy xác nhận kiến thức về ATTP của chủ cơ

sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm; Giấy chứng nhận cơ sở đạt ISO, HACCP và tương đương.

- Kiểm tra hồ sơ đối với Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy/ Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định ATTP; Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm.

- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu và chấp hành về điều kiện cơ sở, vệ sinh thú y, nguồn nước, trang thiết bị dụng cụ; quy trình sản xuất, chế biến, kinh doanh, vận chuyển, bảo quản thực phẩm, phụ gia thực phẩm; thực hành vệ sinh của người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm; nguồn gốc, xuất xứ, hạn sử dụng của nguyên liệu, phụ gia và thành phẩm thực phẩm; lưu mẫu thức ăn theo quy định (*đối với kinh doanh dịch vụ ăn uống*).

- Kiểm tra nội dung ghi nhãn sản phẩm thực phẩm; chất lượng của sản phẩm thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ bao gói chứa đựng thực phẩm so với tiêu chuẩn đã công bố/quy chuẩn kỹ thuật/các quy định về ATTP; quá trình thực hiện các quy định về quảng cáo thực phẩm (*đối với cơ sở có quảng cáo thực phẩm*).

- Kiểm tra các giấy tờ liên quan đến việc kiểm tra nhà nước về ATTP đối với thực phẩm nhập khẩu (*đối với cơ sở nhập khẩu, kinh doanh thực phẩm nhập khẩu*).

- Lấy mẫu kiểm nghiệm các chỉ tiêu ATTP theo quy định khi cần thiết. Khi chỉ định các chỉ tiêu kiểm nghiệm căn cứ vào bản thông tin chi tiết sản phẩm của cơ sở đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định ATTP/ Tiếp nhận bản công bố hợp quy; đối với các sản phẩm chưa có quy chuẩn kỹ thuật thì căn cứ QCVN và văn bản có liên quan. Gửi mẫu kiểm nghiệm tại các phòng kiểm nghiệm đã được công nhận, chứng nhận.

c) Tiến trình thực hiện:

- *Quý I*: Thanh tra, kiểm tra về ATTP trong dịp Tết Nguyên đán, Lễ hội Xuân. Trọng tâm của hoạt động thanh tra, kiểm tra:

+ Nhóm thực phẩm, sản phẩm thực phẩm có nguồn gốc nông lâm sản và thủy sản; sản phẩm nguồn gốc động vật, thực phẩm nhập khẩu;

+ Nhóm thực phẩm, sản phẩm thực phẩm: Rượu, bia, nước giải khát, sữa chế biến, dầu thực vật, sản phẩm chế biến bột và tinh bột, dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng thực phẩm;

- *Quý II*: Thanh tra, kiểm tra về ATTP trong dịp Tết Nguyên đán, Lễ hội; Tháng hành động về ATTP và mùa hè. Trọng tâm của hoạt động thanh tra, kiểm tra:

+ Nhóm thực phẩm, sản phẩm thực phẩm có nguồn gốc nông lâm sản và thủy sản; sản phẩm nguồn gốc động vật, thực phẩm nhập khẩu;

+ Nhóm thực phẩm, sản phẩm thực phẩm: Rượu, bia, nước giải khát, sữa chế biến, dầu thực vật, sản phẩm chế biến bột và tinh bột, dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng thực phẩm;

+ Kinh doanh dịch vụ ăn uống (*bếp ăn tập thể tại các doanh nghiệp, trường học, cơ sở chế biến suất ăn sẵn*), thức ăn đường phố; cơ sở sản xuất, kinh doanh nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên; nước đá ăn liền; dụng cụ bao gói,

chứa đựng thực phẩm

+ Thanh tra, kiểm tra việc triển khai thực hiện công tác bảo đảm ATTP của các BCD LN về ATTP và đơn vị chuyên môn tuyến dưới.

- *Quý III*: Thanh tra, kiểm tra về ATTP trong dịp Tết Trung thu. Trọng tâm của hoạt động thanh tra, kiểm tra:

+ Nhóm thực phẩm, sản phẩm thực phẩm nguồn gốc nông lâm sản và thủy sản;

+ Nhóm thực phẩm, sản phẩm thực phẩm: Rượu, bia, nước giải khát, sữa chế biến, dầu thực vật, sản phẩm chế biến bột và tinh bột, dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng thực phẩm;

+ Cơ sở sản xuất, kinh doanh nước uống đóng chai; thực phẩm chức năng; thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng; kinh doanh dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố.

- *Quý IV*: Thanh tra, kiểm tra về ATTP trong mùa thu - đông đối với:

+ Nhóm thực phẩm, sản phẩm thực phẩm nguồn gốc nông lâm sản và thủy sản;

+ Nhóm thực phẩm, sản phẩm thực phẩm: Rượu, bia, nước giải khát, sữa chế biến, dầu thực vật, sản phẩm chế biến bột và tinh bột, dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng thực phẩm;

+ Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống; thực phẩm chức năng; phụ gia thực phẩm; sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ; cơ sở nhập khẩu thực phẩm.

d) Hình thức triển khai:

- Lập kế hoạch: Căn cứ số lượng cơ sở thực phẩm được phân cấp quản lý và kết quả đánh giá xếp loại trong các đợt kiểm tra, các sở (*NN&PTNT, Công Thương, Y tế*), UBND các huyện, thành phố và xã, phường, thị trấn chỉ đạo các đơn vị chức năng chủ động xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra cơ sở thực phẩm và trình người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch, chỉ đạo thực hiện. Thời gian lập, phê duyệt kế hoạch hàng năm quy định như sau:

+ Tuyên xã, phường: trước ngày 01/11.

+ Tuyên huyện, thành phố: trước ngày 15/11.

+ Tuyên tỉnh: Lập kế hoạch xong trước ngày 01/12.

- Tổ chức, thực hiện:

* *Thanh tra theo kế hoạch*: Thanh tra về ATTP được triển khai thực hiện theo Luật thanh tra năm 2010, Nghị định hướng dẫn thi hành và các văn bản hướng dẫn của ngành đối với thanh tra chuyên ngành.

* *Kiểm tra theo kế hoạch*: Căn cứ Kế hoạch kiểm tra năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt về đối tượng, thời gian kiểm tra. Trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm xây dựng Kế hoạch kiểm tra cụ thể của từng đợt để trình người ra quyết định kiểm tra phê duyệt kế hoạch và tổ chức tiến hành kiểm tra theo quy trình quy định.

* *Thanh tra, kiểm tra đột xuất*:

- Khi cơ sở thực phẩm thuộc thẩm quyền, lĩnh vực ngành quản lý có dấu hiệu vi phạm về ATTP, có sự cố về ATTP; các đợt kiểm tra cao điểm và yêu cầu quản lý

ATTP theo chỉ đạo của cơ quan cấp trên; theo phản ánh của các tổ chức, cá nhân có liên quan đến ATTP.

- Khi có sự chỉ đạo của UBND, Trưởng BCĐ LN về ATTP tỉnh, Bộ quản lý chuyên ngành; khi phát hiện thực phẩm lưu thông trên địa bàn vi phạm có nguy cơ ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe người tiêu dùng..

- Cơ quan kiểm tra không phải thông báo trước việc kiểm tra cho cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

đ) Phương pháp tiến hành: Cơ quan quản lý nhà nước về ATTP các cấp ban hành quyết định thành lập các đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành, chuyên ngành; xây dựng kế hoạch và tiến hành thanh tra, kiểm tra trực tiếp tại cơ quan quản lý nhà nước về ATTP và cơ sở thực phẩm.

Trong quá trình thanh tra, kiểm tra đối với cơ sở thực phẩm, các đoàn thực hiện theo quy trình chung tiến hành cuộc thanh tra, kiểm tra như sau:

- Công bố quyết định kiểm tra với đối tượng kiểm tra;
- Nghe báo cáo việc chấp hành các quy định bảo đảm ATTP của cơ sở;
- Thu thập tài liệu liên quan;
- Kiểm tra thực tế cơ sở thực phẩm, sản phẩm thực phẩm;
- Lấy mẫu để kiểm nghiệm xác định các chỉ tiêu ATTP (khi cần thiết);
- Lập biên bản thanh tra, kiểm tra, biên bản vi phạm hành chính (nếu có);
- Phân tích, đánh giá hồ sơ liên quan ATTP;
- Phân tích, đánh giá kết quả kiểm nghiệm để hoàn thành báo cáo.

Kết thúc đợt thanh tra, kiểm tra, các đoàn tiến hành nhận xét, đánh giá việc thực hiện quy định về bảo đảm ATTP của cơ quan quản lý nhà nước về ATTP, cơ sở thực phẩm và đề xuất các giải pháp tăng cường quản lý.

e) Biểu mẫu Kế hoạch kiểm tra, Quyết định kiểm tra; báo cáo kết quả kiểm tra, biên bản kiểm tra về ATTP đối với cơ sở thực phẩm tại tuyến huyện/thành phố và xã, phường, thị trấn (*Chi tiết tại các biểu mẫu số 01,02,03,04 đính kèm*).

f) Xử lý vi phạm về ATTP:

*** Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính về ATTP như sau:**

- Các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính: Chủ tịch UBND các cấp; các chức danh có thẩm quyền của Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương và Sở Y tế: Thanh tra viên được giao nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành về ATTP và lĩnh vực liên quan; Chánh thanh tra; Thủ trưởng đơn vị được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành (*Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm; Chi cục quản lý chất lượng nông lâm thủy sản*); Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Sở và Trưởng đoàn thanh tra của đơn vị được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về ATTP và lĩnh vực liên quan; Lực lượng công an nhân dân (*chiến sỹ công an nhân dân/ đội trưởng của chiến sỹ công an nhân dân đang thi hành công vụ; trưởng công an cấp xã; trưởng đồn công an; trưởng công an cấp huyện; trưởng phòng công an cấp tỉnh “phòng cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ; cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường”*).

- Công chức, viên chức thuộc các ngành: y tế, nông nghiệp và phát triển nông thôn, công thương đang thi hành công vụ, nhiệm vụ có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính về những vi phạm thuộc phạm vi công vụ, nhiệm vụ được giao.

Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính sau khi Biên bản được lập phải được chuyển đến người có thẩm quyền xử phạt để tiến hành xử phạt theo quy định.

- Một số hành vi vi phạm hành chính về ATTP và áp dụng các chế tài xử phạt như sau:

+ Trong quá trình kiểm tra chuyên ngành/liên ngành về ATTP, khi phát hiện tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm về ATTP phải xử lý thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, trưởng đoàn kiểm tra kịp thời lập biên bản vi phạm hành chính về ATTP để chuyển tới người/cấp có thẩm quyền ra quyết định xử phạt theo quy định (*biên bản xử phạt vi phạm hành chính theo mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ “biểu mẫu số 05” kèm theo*).

+ Đối với các hành vi vi phạm về chứng nhận hợp quy (*sử dụng bản công bố hợp quy đã hết hiệu lực; sản phẩm thuộc diện phải công bố hợp quy nhưng không công bố hợp quy; không thực hiện đăng ký bản hợp quy với cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở địa phương; không gắn dấu hợp quy lên sản phẩm hoặc tài liệu kèm theo sản phẩm...*); hàng hóa có kết quả kiểm nghiệm mẫu không phù hợp với chỉ tiêu công bố trong bản thông tin chi tiết của sản phẩm hoặc chỉ tiêu ghi trên nhãn sản phẩm hoặc không phù hợp với chỉ tiêu công bố áp dụng, không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc quy định ATTP; vi phạm quy định về ghi nhãn hàng hóa đối với thực phẩm (*ghi nhãn hàng hóa thiếu nội dung ghi nhãn bắt buộc..., sử dụng các thông tin, hình ảnh in/ghi trên hàng hóa không hợp pháp*) áp dụng chế tài xử phạt theo quy định của Nghị định số 80/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm hàng hóa (sau đây viết tắt là Nghị định số 80/2013/NĐ-CP) hoặc Nghị định số 178/2013/NĐ-CP.

+ Đối với các hành vi vi phạm quy định trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán thực phẩm là hàng giả, hàng cấm; kinh doanh hàng hóa nhập lậu; vi phạm về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng xử lý vi phạm áp dụng theo Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

+ Đối với các hành vi vi phạm về quảng cáo thực phẩm xử lý vi phạm theo Quy định tại Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo.

+ Đối với các hành vi vi phạm về điều kiện bảo đảm ATTP như điều kiện về con người; điều kiện trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm; điều kiện bảo đảm ATTP đối với sản phẩm thực phẩm, thực phẩm nhập khẩu, thực phẩm xuất khẩu; các quy định về thông tin giáo dục, truyền thông về ATTP; kiểm nghiệm thực phẩm; phân tích nguy cơ; phòng ngừa, ngăn chặn và khắc phục sự cố về ATTP; truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý đối với thực phẩm không an toàn thì áp dụng

chế tài xử phạt theo quy định tại Nghị định số 178/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính về ATTP.

+ Căn cứ theo quyết định và chức năng nhiệm vụ của đoàn kiểm tra, nếu phát hiện thấy các hành vi vi phạm hành chính có liên quan đến ATTP được quy định ở các Nghị định khác thì áp dụng xử phạt hành vi vi phạm hành chính theo các Nghị định đó.

- Trường hợp vượt quá thẩm quyền thì người có thẩm quyền cấp đó phải chuyển hồ sơ lên cấp cao hơn để xử lý theo quy định của pháp luật (*trường hợp này phải có tờ trình với người có thẩm quyền cấp trên, kèm theo đầy đủ hồ sơ vụ việc*).

* **Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính:** Được quy định cụ thể các tại Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính nêu trên. Cụ thể như sau:

- **Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp:** Theo điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính và các nghị định quy định xử phạt hành chính thuộc các lĩnh vực chuyên ngành và liên quan về ATTP.

- **Các chức danh có thẩm quyền của Sở, ngành:** Theo điều 46 của Luật xử lý vi phạm hành chính, các nghị định quy định xử phạt hành chính thuộc các lĩnh vực chuyên ngành và liên quan về ATTP, gồm,

+ *Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành về an toàn thực phẩm và các lĩnh vực liên quan đến an toàn thực phẩm thuộc các ngành*

+ *Chánh thanh tra Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương; Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về an toàn thực phẩm và các lĩnh vực liên quan đến an toàn thực phẩm thuộc Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp sở, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về an toàn thực phẩm và các lĩnh vực liên quan đến an toàn thực phẩm thuộc các ngành: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương.*

- **Thẩm quyền xử phạt của Công an nhân dân:** thực hiện theo Điều 39 của Luật xử phạt vi phạm hành chính và các nghị định quy định xử phạt hành chính thuộc các lĩnh vực chuyên ngành và liên quan về ATTP gồm:

+ Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền

+ Trạm trưởng, Đội trưởng của người chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành nhiệm vụ có quyền.

+ Trưởng Công an cấp xã, Trưởng đồn Công an, Trạm trưởng Trạm Công an cửa khẩu, khu chế xuất;

+ Trưởng Công an cấp huyện; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, đường sắt, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường thủy, Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường.

- **Thẩm quyền xử phạt của chức danh quản lý thị trường:** Theo điều 45 của Luật xử lý vi phạm hành chính và các nghị định quy định xử phạt hành chính thuộc các lĩnh vực chuyên ngành và liên quan về ATTP, gồm: Kiểm soát viên thị

trường; đội trưởng đội quản lý thị trường; Chi cục trưởng chi cục quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương.

5. Công tác giám sát nguy cơ và khắc phục sự cố về ATTP

5.1 Công tác giám sát môi nguy

- Sở NN&PTNT hàng năm thông báo cho Sở Công Thương; Sở Y tế và UBND huyện, thành phố về kết quả giám sát nguy cơ ô nhiễm đối với sản phẩm nông lâm thủy sản sau thu hoạch để làm cơ sở căn cứ xây dựng kế hoạch giám sát phù hợp với điều kiện thực tế.

- Trên cơ sở kết quả thông báo của Sở NN&PTNT; tình hình xảy ra sự cố về ATTP và kết quả kiểm tra giám sát của năm trước. Các Sở chuyên ngành xây dựng kế hoạch giám sát môi nguy gây ô nhiễm thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý để xác định những thực phẩm chủ yếu có nguy cơ bị ô nhiễm bởi các yếu tố sinh học hoặc hóa học có thể gây ngộ độc thực phẩm. Cụ thể:

+ Lấy mẫu giám sát đối với các thực phẩm, nhóm thực phẩm nguy cơ gây ra ngộ độc cao như rau, thịt và các sản phẩm từ rau, thịt... Xác định rõ nguy cơ gây ô nhiễm thực phẩm theo từng công đoạn chế biến (từ nguyên liệu đầu vào, đến khâu sơ chế, chế biến, đưa ra bàn ăn).

+ Thực phẩm có tỷ lệ vi phạm cao về quy chuẩn kỹ thuật (thông qua hoạt động thanh, kiểm tra, kiểm nghiệm mẫu định kỳ...).

+ Những loại hình cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm có nguy cơ ô nhiễm cao; điều kiện môi trường không đảm bảo vệ sinh...

- Hoạt động giám sát đảm bảo thực hiện theo đúng quy trình chuyên môn, mang tính ngẫu nhiên, đúng nguyên tắc về phương pháp chọn mẫu, lấy mẫu, bảo quản, vận chuyển mẫu để gửi về phòng xét nghiệm đã được công nhận hoặc chỉ định để kiểm nghiệm theo đúng quy trình.

- Kết thúc từng đợt giám sát, các Sở chuyên ngành (*đơn vị chuyên môn của các sở*) tổng hợp kết quả giám sát và thông báo cho các sở, ngành, đơn vị liên quan để từ đó các ngành chức năng từng bước thực hiện quản lý có hiệu quả đối với nhóm sản phẩm thực phẩm thuộc lĩnh vực ngành quản lý. Kịp thời đưa ra những khuyến cáo, cảnh báo, thông tin và có các biện pháp phòng tránh ngộ độc thực phẩm, bệnh truyền qua thực phẩm do thực phẩm mất an toàn gây ra.

5.2. Công tác khắc phục sự cố về ATTP; thực phẩm không bảo đảm ATTP.

- *Khắc phục sự cố ngộ độc thực phẩm (NĐTP)*: Thực hiện Công văn số /BCĐLN-KGVX ngày /10/2016 của BCĐ LN tỉnh Bắc Giang về việc phòng chống ngộ độc thực phẩm; Tiến hành điều tra, xử trí vụ ngộ độc thực phẩm thực hiện theo Hướng dẫn số 699/HD-SYT ngày 08/6/2015 của Sở Y tế về Triển khai xử trí vụ NĐTP.

- Đối với các kết quả điều tra vụ NĐTP do ngành Y tế kết luận. Nếu thực phẩm căn nguyên gây ra vụ NĐTP thuộc trách nhiệm ngành nào; cấp nào quản lý thì đơn vị đó có trách nhiệm tiếp tục chỉ đạo điều tra, truy xuất và xử lý nguồn gốc gây ô nhiễm dẫn đến NĐTP theo đúng quy định của pháp luật.

6. Nguồn nhân lực làm công tác ATTP

TT	Phân tuyến quản lý	Ngành NN&PTNT	Ngành công thương	Ngành Y tế
1	Tuyển tỉnh	Các chi cục: Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y, Trồng trọt và BVTV, Thủy sản.	Phòng Kỹ thuật An toàn và Môi trường; Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu Chi cục quản lý thị trường	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm
2	Tuyển huyện	Phòng NN&PTNT huyện/kinh tế thành phố Trạm Thú Y; Trạm bảo vệ thực vật	Phòng Kinh tế hạ tầng/ Phòng Kinh tế, thành phố	Phòng Y tế Trung tâm Y tế
3	Tuyển xã, phường	Ủy ban nhân dân		
		Cán bộ thú y (*) Cán bộ khuyến nông (**)	Cán bộ địa chính - xây dựng	Trạm Y tế

Ghi chú:

(*) Cán bộ thú y phụ trách lĩnh vực chuỗi sản phẩm có nguồn gốc từ động vật trong địa bàn từ: Chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, sơ chế, chế biến, kinh doanh;

(**) Cán bộ khuyến nông phụ trách lĩnh vực chuỗi sản phẩm có nguồn gốc từ thực vật và vật tư nông nghiệp trong địa bàn từ: Trồng trọt, sơ chế, chế biến, kinh doanh;

- Công tác tổng hợp, báo cáo về ATTP trên địa bàn xã/phường/thị trấn được giao cho cán bộ thú y xã/phường/thị trấn làm đầu mối thực hiện.

(đối với xã, phường, thị trấn không có cán bộ thú y, khuyến nông, tùy từng đơn vị công tác quản lý về ATTP, chất lượng nông lâm thủy sản và vật tư nông nghiệp được giao cho cán bộ công chức khác)

6. Công tác báo cáo:

UBND/ BCĐLN các cấp thực hiện báo cáo công tác ATTP trên địa bàn cho BCĐ LN về ATTP cấp trên theo quy định

6.1. Đơn vị tổng hợp báo cáo

Cơ quan thường trực về ATTP trên địa bàn các cấp có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổng hợp, tham mưu cho UBND, BCĐLN về ATTP cùng cấp thực hiện công tác báo cáo như sau:

+ Cấp xã: Trạm Y tế.

+ Cấp huyện: Phòng Y tế huyện, thành phố.

+ Cấp tỉnh: Sở Y tế là cơ quan thường trực tham mưu cho UBND tỉnh/ BCĐLN tỉnh về ATTP báo cáo công tác quản lý ATTP trên địa bàn tỉnh với Chính phủ; BCĐLN Trung ương và Bộ Y tế.

6.2. Chế độ và thời gian báo cáo

*** Báo cáo định kỳ về triển khai công tác bảo đảm ATTP**

- Báo cáo quý: Báo cáo vào tháng cuối quý.

+ Trước ngày 15: Tuyển xã và các thành viên BCĐ LN về ATTP huyện, thành phố gửi báo cáo về Phòng Y tế (*thường trực BCĐ LN về ATTP huyện, thành phố*).

+ Trước ngày 25: Tuyến huyện, thành phố và các sở, ngành thành viên BCĐ LN về ATTP tỉnh gửi báo cáo về Sở Y tế - Thường trực BCĐ LN về ATTP tỉnh (*Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm – Số 54, đường Ngô Gia Tự, TP. Bắc Giang; Fax: 3825656, Email:chicucavstp@bacgiang.gov.vn*).

+ Trước ngày 30: Sở Y tế báo cáo Trưởng BCĐLN tỉnh, UBND tỉnh; BCĐLN Trung ương và Bộ Y tế.

- Báo cáo 6 tháng đầu năm: Báo cáo trước ngày 15/6 hàng năm

+ Tuyến xã và các thành viên BCĐ LN về ATTP huyện, thành phố gửi báo cáo về Phòng Y tế (thường trực BCĐ LN về ATTP huyện, thành phố).

+ Tuyến huyện, thành phố và các sở, ngành thành viên BCĐ LN về ATTP tỉnh gửi báo cáo về Sở Y tế - Thường trực BCĐ LN về ATTP tỉnh (*Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm – Số 54, đường Ngô Gia Tự, TP. Bắc Giang; Fax: 3825656, Email:chicucavstp@bacgiang.gov.vn*).

+ Sở Y tế báo cáo Trưởng BCĐ LN tỉnh, UBND tỉnh; BCĐLN Trung ương và Bộ Y tế.

- Báo cáo cả năm: Báo cáo trước ngày 15/12 hàng năm

+ Tuyến xã và các thành viên BCĐ LN về ATTP huyện, thành phố gửi báo cáo về Phòng Y tế (thường trực BCĐ LN về ATTP huyện, thành phố).

+ Tuyến huyện, thành phố và các sở, ngành thành viên BCĐ LN về ATTP tỉnh gửi báo cáo về Sở Y tế - Thường trực BCĐ LN về ATTP tỉnh (*Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm – Số 54, đường Ngô Gia Tự, TP. Bắc Giang; Fax: 3825656, Email:chicucavstp@bacgiang.gov.vn*).

+ Sở Y tế báo cáo Trưởng BCĐ LN tỉnh, UBND tỉnh; BCĐLN Trung ương và Bộ Y tế.

(*Báo cáo theo biểu mẫu số 06*).

6.2. Báo cáo vào các dịp cao điểm trong năm (Tết Nguyên đán; Tháng hành động vì ATTP; Tết Trung thu); báo cáo đột xuất: Thực hiện theo Kế hoạch, văn bản chỉ đạo của tỉnh, của Trung ương.

Trên đây là Hướng dẫn triển khai công tác quản lý Nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh. Đề nghị Giám đốc các sở, thủ trưởng các cơ quan thành viên Ban chỉ đạo liên ngành về ATTP tỉnh, Chủ tịch UBND huyện, thành phố chỉ đạo, triển khai Hướng dẫn này. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, phát sinh, các đơn vị báo cáo bằng văn bản về Sở Y tế để tổng hợp, tham mưu BCĐLN về ATTP tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Lưu: VT.

Bản điện tử:

- Bộ Y tế (B/cáo);
- Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Văn Linh - Trưởng BCĐLN về ATTP tỉnh (B/cáo);
- Cục ATTP - Bộ Y tế;
- Các cơ quan thành viên Ban chỉ đạo và Tổ công tác liên ngành về ATTP tỉnh;
- UBMTTQ, các đoàn thể nhân dân;
- UBND các huyện, thành phố;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, TH, KGVX.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH BẮC GIANG
Lê Ánh Dương**

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ

Phân công, phân cấp quản lý, kiểm tra cơ sở thực phẩm/sản phẩm thực phẩm của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

(Phụ lục kèm theo Hướng dẫn số: .../HD-BCĐ ngày / /2016 của BCĐ LN về ATTP tỉnh Bắc Giang).

1. Trách nhiệm quản lý cơ sở thực phẩm/sản phẩm thực phẩm của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, bao gồm:

- Ngũ cốc và sản phẩm chế biến từ ngũ cốc.
- Thịt và các sản phẩm từ thịt; sản phẩm có nguồn gốc động vật dùng làm thực phẩm khác dạng nguyên bản hoặc đã qua chế biến (*tổ yến và các sản phẩm từ tổ yến; sản phẩm có nguồn gốc từ côn trùng, động vật dùng làm thực phẩm như châu chấu, dế, nhộng tằm...*).
- Thủy sản và các sản phẩm thủy sản
- Rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả; sản phẩm có nguồn gốc thực vật dùng làm thực phẩm khác dạng nguyên bản hoặc đã qua chế biến (*măng, mộc nhĩ, nấm; sản phẩm từ đậu nành trừ dầu thực vật; vỏ, rễ, lá, thân, hoa ăn được của một số loại cây; hạt hướng dương, hạt bí, hạt dưa ...*).
- Trứng và các sản phẩm từ trứng.
- Sữa tươi nguyên liệu.
- Mật ong và các sản phẩm từ mật ong.
- Thực phẩm biến đổi gen;
- Muối và các sản phẩm chế biến từ muối.
- Gia vị, đường, chè, cà phê, ca cao, hạt tiêu, điều.
- Nông sản thực phẩm khác.
- Dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm chuyên dùng gắn liền và chỉ sử dụng cho sản phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của ngành
- Nước đá; dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm thuộc lĩnh vực ngành NN&PTNT quản lý.

2. Phân công, phân cấp quản lý, kiểm tra, chứng nhận cơ sở thực phẩm:

Thực hiện theo Quyết định số 85/2016/QĐ-UBND ngày 29/01/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang quy định phân công, phân cấp kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện ATTP thuộc phạm vi quản lý của ngành NN&PTNT trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

a. Các đơn vị tuyến tỉnh trực thuộc Sở NN&PTNT: Quản lý, kiểm tra, đánh giá, xếp loại đối với cơ sở, sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản, vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện ATTP đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản do UBND tỉnh/Ban Quản lý Khu công nghiệp cấp chứng nhận đầu tư; cơ sở do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp đăng ký doanh nghiệp; cơ sở do Bộ NN&PTNT phân cấp, cụ thể:

- Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản:

+ Cơ sở sản xuất, kinh doanh: Phụ gia, hóa chất dùng trong chế biến, bảo quản thực phẩm; dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm thuộc lĩnh vực ngành NN&PTNT quản lý.

+ Cơ sở thu gom, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển nông sản thực phẩm (*sản phẩm có nguồn gốc động vật, thực vật, thủy sản*); cơ sở sơ chế, chế biến độc lập độc lập.

+ Cơ sở kinh doanh thủy sản, kinh doanh chuỗi sản phẩm có nguồn gốc thực vật (*chợ đầu mối, chợ đấu giá, cơ sở chuyên kinh doanh độc lập, phương tiện vận chuyển độc lập*).

+ Cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến, bao gói, tiêu thụ muối ăn trong nước;

+ Cơ sở nhập khẩu, xuất khẩu sản phẩm nông, lâm, thủy sản.

+ Kho lạnh bảo quản nông, lâm, thủy sản.

+ Cơ sở sản xuất vật liệu bao gói gắn liền với cơ sở sản xuất nông lâm thủy sản;

+ Cơ sở sản xuất nước đá dùng cho bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản;

+ Cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều lĩnh vực, nhóm sản phẩm thuộc Ngành Nông nghiệp quản lý;

+ Cơ sở sản xuất gắn liền với cả sơ chế và chế biến.

- Chi cục Chăn nuôi và Thú y

+ Cơ sở sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi; nguyên liệu thức ăn chăn nuôi; thức ăn thành phẩm dùng cho động vật trên cạn (*Bao gồm cả cơ sở sản xuất, kinh doanh nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, thức ăn thành phẩm cho động vật trên cạn và động vật dưới nước*);

+ Cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi;

+ Cơ sở sản xuất, kinh doanh thuốc thú y; nguyên liệu làm thuốc thú y; chế phẩm sinh học, hóa chất dùng trong thú y (bao gồm cả thủy sản);

+ Cơ sở sản xuất, kinh doanh tổng hợp thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi; cơ sở kinh doanh thuốc thú y và sản xuất, kinh doanh các mặt hàng khác thuộc ngành nông nghiệp quản lý (*kể cả cơ sở kinh doanh thuốc thú y do UBND huyện/thành phố cấp giấy đăng ký kinh doanh*).

+ Cơ sở chăn nuôi;

+ Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm; cơ sở giết mổ gắn liền với sơ chế;

+ Lưu thông, tiêu thụ đối với chuỗi thực phẩm có nguồn gốc động vật, sản phẩm động vật (*trừ sản phẩm thủy sản*):

+ Chợ đầu mối, chợ đấu giá;

+ Cơ sở chuyên kinh doanh, phương tiện vận chuyển độc lập;

+ Cơ sở chăn nuôi kết hợp nuôi trồng thủy sản, trồng cây nông, lâm nghiệp

(Chi cục Chăn nuôi và Thú y có trách nhiệm phân công nhiệm vụ cụ thể về lĩnh vực quản lý ATTP của đơn vị cho các trạm Chăn nuôi và Thú y theo chức năng, nhiệm vụ của Chi cục)

- Chi cục Trồng trọt và Bảo Vệ thực vật

+ Cơ sở sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật; nguyên liệu làm thuốc bảo vệ thực vật;

+ Cơ sở kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật và sản xuất, kinh doanh các mặt hàng VTNN khác thuộc ngành nông nghiệp quản lý (*kể cả cơ sở kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật do UBND huyện/thành phố cấp giấy đăng ký kinh doanh*);

+ Cơ sở trồng trọt (*kể cả hoạt động sơ chế được thực hiện tại cơ sở trồng trọt*);

+ Cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng nông nghiệp (bao gồm cả cây ăn quả);

+ Cơ sở sản xuất, kinh doanh phân bón (đối tượng quản lý của ngành Nông nghiệp);

+ Cơ sở sản xuất, kinh doanh nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc thực vật (đối với cơ sở chuyên sản xuất, kinh doanh độc lập các nguyên liệu có nguồn gốc thực vật dùng làm thức ăn chăn nuôi).

(Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật có trách nhiệm phân công nhiệm vụ cụ thể về lĩnh vực quản lý ATTP của đơn vị cho các trạm Trồng Trọt và Bảo vệ thực vật theo chức năng, nhiệm vụ của Chi cục).

- Chi cục Thủy sản

+ Cơ sở sản xuất, kinh doanh giống thủy sản (*kể cả cơ sở sản xuất giống thủy sản do UBND huyện/thành phố cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp*);

+ Cơ sở sản xuất, kinh doanh nguyên liệu thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc động vật dưới nước (*cơ sở độc lập - cơ sở chuyên sản xuất, kinh doanh nguyên liệu thức ăn chăn nuôi cho động vật dưới nước*);

+ Cơ sở chuyên sản xuất, kinh doanh thức ăn thành phẩm dùng trong nuôi trồng thủy sản; sản phẩm xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản (*cơ sở độc lập - cơ sở chuyên sản xuất, kinh doanh thức ăn thành phẩm cho động vật dưới nước*);

+ Cơ sở chuyên canh nuôi trồng thủy sản.

- Chi cục Kiểm lâm: Kiểm tra đánh giá, xếp loại cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp.

- Chi cục Thủy lợi: Kiểm tra đánh giá, xếp loại cơ sở sản xuất, kinh doanh nước sinh hoạt nông thôn.

b. Phòng NN&PTNT các huyện/phòng Kinh tế thành phố: Quản lý, kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện ATTP đối với các cơ sở do UBND huyện, thành phố cấp đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận trang trại, HTX, cụ thể:

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản;

- Cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm nông lâm thủy sản;

- Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm;

- Các trang trại, HTX nông nghiệp;

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp (*trừ cơ sở chuyên kinh doanh thuốc thú y; thuốc bảo vệ thực vật; cơ sở kinh doanh thuốc thú y hoặc thuốc bảo vệ thực vật với các nhóm ngành hàng khác*);

c. UBND xã, phường, thị trấn: Quản lý, kiểm tra, ký cam kết bảo đảm ATTP đối với các cơ sở nhỏ lẻ, không có đăng ký kinh doanh/chứng nhận trang trại, hợp tác xã đóng trên địa bàn, cụ thể:

- Cơ sở thu gom, sơ chế, chế biến, bảo quản, sản xuất, kinh doanh sản phẩm có nguồn gốc từ động vật, thủy sản (*thịt và các sản phẩm từ thịt; thủy sản và sản phẩm thủy sản; trứng và các sản phẩm từ trứng; sữa tươi nguyên liệu; mật ong và các sản phẩm từ mật ong; tổ yến và các sản phẩm từ tổ yến; sản phẩm có nguồn gốc từ côn trùng dùng làm thực phẩm như châu chấu, dế, nhộng tằm...*)

- Cơ sở thu gom, sơ chế, chế biến, bảo quản, sản xuất, kinh doanh sản phẩm có nguồn gốc từ thực vật (*ngũ cốc; rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả; đường; chè; cà phê; hạt tiêu; điều; sản phẩm có nguồn gốc thực vật dùng làm thực phẩm khác dạng nguyên bản hoặc đã qua chế biến như măng, mộc nhĩ, nấm, sản phẩm từ đậu nành trừ dầu thực vật, vò, rễ, lá, thân, hoa ăn được của một số loại cây; hạt hướng dương, hạt bí, hạt dưa*).

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh muối và các sản phẩm chế biến từ muối; gia vị.

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh nước đá, phụ gia, hóa chất, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm dùng cho bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản./.

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ

Phân công, phân cấp quản lý, kiểm tra cơ sở thực phẩm, sản phẩm thực phẩm của ngành Công Thương

(Phụ lục kèm theo Hướng dẫn số: .../HD-BCĐ ngày / /2016 của BCĐ LN về ATTP tỉnh Bắc Giang).

1. Trách nhiệm quản lý cơ sở thực phẩm/sản phẩm thực phẩm của ngành Công thương, bao gồm:

- Rượu, cồn và đồ uống có cồn.
- Bia (*bia hơi, bia chai, bia lon*).
- Nước giải khát (*không bao gồm nước khoáng, nước uống đóng chai do ngành y tế quản lý*).
- Sữa chế biến và các sản phẩm chế biến từ sữa (*không bao gồm sản phẩm bổ sung vi chất, thực phẩm chức năng do ngành y tế quản lý*).
- Dầu thực vật (*không bao gồm sản phẩm bổ sung vi chất, thực phẩm chức năng do ngành y tế quản lý*).
- Bột, tinh bột và sản phẩm chế biến từ tinh bột (*bột ngũ cốc; bún, bánh phở, bánh tráng...*).
- Bánh, mứt, kẹo (*không bao gồm sản phẩm bổ sung vi chất, thực phẩm chức năng do ngành y tế quản lý*).
- Dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm thuộc lĩnh vực ngành Công thương quản lý.

2. Phân công, phân cấp quản lý, kiểm tra cơ sở thực phẩm: Thực hiện theo Hướng dẫn số 869/SCT-KT ngày 03/11/2015 của Sở Công Thương về quản lý ATTP của ngành Công Thương tỉnh Bắc Giang, cụ thể:

a. Phòng Kỹ thuật và An toàn môi trường - Sở Công Thương:

Quản lý, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP, xác nhận kiến thức ATTP đối với cơ sở thực phẩm/sản phẩm thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành công thương trên địa bàn tỉnh, bao gồm:

- Cơ sở sản xuất, chế biến, bảo quản, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh thực phẩm sản xuất, chế biến, bảo quản, vận chuyển, kinh doanh thực phẩm (*gồm cả siêu thị, trung tâm thương mại*); sản xuất, kinh doanh phụ gia, hóa chất, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm dùng cho bảo quản, chế biến thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành công thương do UBND tỉnh hoặc Ban Quản lý khu công nghiệp cấp chứng nhận đầu tư/ Sở KH&ĐT cấp chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã (*trừ cơ sở thực phẩm thuộc Bộ Công Thương quản lý*).
- Cơ sở sản xuất thực phẩm do UBND huyện, thành phố cấp chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- Cơ sở kinh doanh thực phẩm do UBND huyện, thành phố cấp chứng nhận đăng ký kinh doanh, bao gồm: Nhà phân phối cấp I (hoặc Đại lý cấp I) của các cơ sở sản xuất; cửa hàng tự chọn.

- Cơ sở kinh doanh thực phẩm tại các chợ hạng I (*trừ chợ đầu mối, chợ đầu giá nông sản do ngành NN&PTNT quản lý*).

b. Chi cục Quản lý thị trường: Theo chức năng, nhiệm vụ triển khai/ chỉ đạo các Đội quản lý thị trường tiến hành kiểm tra định kỳ, đột xuất các cơ sở sản xuất, kinh doanh, đối tượng vận chuyển, lưu giữ thực phẩm trên địa bàn tỉnh; phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện việc kiểm tra phòng chống thực phẩm giả, thực phẩm nhập lậu, gian lận thương mại trên thị trường tỉnh.

c. Phòng Kinh tế hạ tầng huyện/phòng Kinh tế thành phố: Quản lý, kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện ATTP/cam kết bảo đảm ATTP đối với cơ sở thực phẩm/ sản phẩm thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành công thương trên địa bàn huyện/thành phố, bao gồm:

- Quản lý, kiểm tra, thống kê các cơ sở thực phẩm/sản phẩm thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành công thương (*bao gồm cả chợ hạng II*) trên địa bàn huyện/thành phố.

- Ký cam kết bảo đảm ATTP đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm; kinh doanh phụ gia, hóa chất, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm dùng cho bảo quản, chế biến thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công thương do UBND huyện, thành phố cấp chứng nhận đăng ký kinh doanh (*trừ cơ sở thuộc Sở Công Thương quản lý*).

- Thực hiện xác nhận kiến thức ATTP cho người lao động tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc ngành Công thương quản lý có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do UBND huyện/thành phố cấp (*trừ Hợp tác xã*).

d. UBND xã, phường, thị trấn: Quản lý, kiểm tra, cam kết bảo đảm ATTP đối với cơ sở thực phẩm/ sản phẩm thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành công thương trên địa bàn xã/ phường/ thị trấn, bao gồm:

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ không có đăng ký kinh doanh.

- Cơ sở kinh doanh thực phẩm tại các chợ hạng III, chợ cóc, chợ tạm./.

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ

Phân công, phân cấp quản lý, kiểm tra cơ sở thực phẩm, sản phẩm thực phẩm của ngành Y tế

(Phụ lục kèm theo Hướng dẫn số: .../HD-BCĐ ngày / /2016 của BCĐ LN về ATTP tỉnh Bắc Giang).

1. Trách nhiệm quản lý cơ sở thực phẩm/sản phẩm thực phẩm của ngành Y tế, bao gồm:

- Nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên.
- Thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng.
- Phụ gia, hương liệu thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm.
- Dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm thuộc lĩnh vực ngành y tế quản lý.
- Nước đá dùng liền và nước đá dùng để chế biến thực phẩm (*Trừ nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến thực phẩm thuộc ngành NN&PTNT quản lý*).
- Các sản phẩm khác không được quy định tại danh mục kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế - Bộ NN&PTNT - Bộ Công Thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về ATTP

2. Phân công, phân cấp quản lý, kiểm tra cơ sở thực phẩm: Thực hiện theo Hướng dẫn số 49/SYT-ATTP ngày 14/01/2015 của Sở Y tế về quản lý ATTP của ngành y tế tỉnh Bắc Giang, cụ thể:

a. Chi cục ATVSTP: Quản lý, thanh tra, kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện ATTP/ cam kết bảo đảm ATTP đối với cơ sở thực phẩm/ sản phẩm thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành y tế trên địa bàn tỉnh, bao gồm:

+ Cơ sở sản xuất, kinh doanh, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu thực phẩm do Trung ương, Sở KH&ĐT cấp giấy đăng ký kinh doanh (*trừ các cơ sở thực phẩm do Cục ATTP - Bộ Y tế quản lý; cơ sở kinh doanh thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng trong các cơ sở y dược tư nhân được giao cho TTYT huyện, thành phố quản lý*).

+ Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống trong các khu, cụm công nghiệp tỉnh và khu hội nghị do UBND tỉnh Bắc Giang quản lý.

+ Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống do Sở KH&ĐT cấp giấy đăng ký kinh doanh trên địa bàn thành phố Bắc Giang.

+ Cơ sở chế biến suất ăn sẵn do Trung ương, Sở KH&ĐT cấp giấy đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

b. Trung tâm Y tế huyện, thành phố: Quản lý, kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện ATTP/ cam kết bảo đảm ATTP đối với cơ sở thực phẩm/ sản phẩm thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành y tế trên địa bàn huyện, thành phố, bao gồm:

+ Cơ sở sản xuất, kinh doanh, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển thực phẩm do UBND huyện, thành phố cấp Giấy đăng ký kinh doanh.

+ Cơ sở kinh doanh thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng trong các cơ sở y dược tư nhân (*bao gồm cả nhà*

thuộc đã được cấp giấy chứng nhận đạt GPP) do Trung ương, Sở KH&ĐT, UBND huyện, thành phố cấp giấy đăng ký kinh doanh.

+ Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống do Trung ương, Sở KH&ĐT, UBND huyện/ thành phố cấp giấy đăng ký kinh doanh (*Trừ các cơ sở thực phẩm do Chi cục ATVSTP quản lý*).

+ Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống không có giấy đăng ký kinh doanh có quy mô kinh doanh, phục vụ từ 50 suất ăn/lần phục vụ trở lên (*UBND huyện, thành phố ủy quyền bằng văn bản cho TTYT quản lý, kiểm tra, ký cam kết bảo đảm ATTP đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống không có giấy đăng ký kinh doanh có quy mô kinh doanh, phục vụ từ 50 - 200 suất ăn/lần phục vụ*).

+ Cơ sở kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống trong hội chợ, lễ hội, hội nghị do Trung ương, tỉnh, huyện/thành phố tổ chức và trong các khu du lịch, khu nghỉ dưỡng.

c. Trạm Y tế xã, phường, thị trấn: Quản lý, kiểm tra, ký cam kết bảo đảm ATTP đối với cơ sở thực phẩm/ sản phẩm thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành y tế trên địa bàn xã, phường, thị trấn, bao gồm:

+ Cơ sở sản xuất, kinh doanh, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển thực phẩm nhỏ lẻ không có giấy đăng ký kinh doanh.

+ Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không thuộc đối tượng phải cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP bao gồm: Cơ sở sản xuất thực phẩm chức năng ban đầu nhỏ lẻ, cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ không có yêu cầu bảo quản sản phẩm đặc biệt, cơ sở bán hàng rong, cơ sở kinh doanh bao gói sẵn không yêu cầu điều kiện bảo quản đặc biệt, cơ sở kinh doanh bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

+ Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống không có giấy đăng ký kinh doanh có quy mô kinh doanh, phục vụ dưới 50 suất ăn/lần phục vụ.

+ Cơ sở kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống trong hội chợ, lễ hội, hội nghị do cấp xã, phường, thị trấn tổ chức.

+ Cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố (*thực phẩm được chế biến dùng để ăn, uống ngay được thực hiện thông qua hình thức bán hàng rong, bày bán trên đường phố, nơi công cộng hoặc những nơi tương tự*)./.

Biểu mẫu số 06(TÊN CƠ QUAN, TC CHỦ QUẢN)
(TÊN CƠ QUAN, TC BÁO CÁO)**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-.....

....., ngày tháng năm 201...

DỰ THẢO**BÁO CÁO****Kết quả thực hiện công tác bảo đảm an toàn thực phẩm**Quý..... 6 tháng năm **I. THÔNG TIN CHUNG** (cấp tỉnh, huyện, xã tổng hợp nội dung này)

1. Dân số:.....người; 4. Tổng số xã, phường, thị trấn:.....
 2. Diện tích:..... Km² 5. Số thôn, bản, khu dân cư:.....
 3. Số huyện, TP:.....

II. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Kết quả ban hành văn bản chỉ đạo triển khai công tác bảo đảm ATTP: Các địa phương/ cơ quan/ đơn vị các cấp nêu cụ thể tên, trích yếu văn bản đã ban hành để chỉ đạo triển khai các hoạt động bảo đảm ATTP theo chỉ đạo của cấp trên (cần bám sát các văn bản chỉ đạo của UBND, BCĐLN về ATTP tỉnh như: Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 20/01/2015 tăng cường công tác bảo đảm ATTP trong tình hình mới/ Kế hoạch số 959/KH-UBND ngày 15/5/2012 thực hiện Chiến lược quốc gia ATTP giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn 2030; Kế hoạch số 1542/KH-UBND ngày 03/6/2016 triển khai thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về ATTP/ Chương trình phối hợp và vận động về ATTP; Kế hoạch triển khai công tác bảo đảm ATTP hằng năm hoặc Kế hoạch tăng cường trong dịp Tết, Lễ hội, Tháng hành động về ATTP, mùa hè, các sự kiện do tỉnh, địa phương tổ chức...).

2. Tổng hợp kết quả chỉ đạo, điều hành

T T	Nội dung hoạt động	Tuyến xã		Tuyến huyện		Tuyến tỉnh (*)
		Tổng số xã, phường	Số xã có (*)	Tổng số huyện, TP	Số huyện có (*)	
1	Thành lập/ kiện toàn BCĐLN về ATTP do Chủ tịch UBND làm Trưởng ban					
2	Quy chế hoạt động của BCĐLN về ATTP					
3	Phân công nhiệm vụ cho thành viên BCĐLN về ATTP					
2	UBND/BCĐLN về ATTP định kỳ tổ chức hội nghị triển khai/sơ kết, tổng kết công tác ATTP:					
	<i>Hằng quý</i>					
	<i>6 tháng</i>					
	<i>1 năm</i>					
	<i>Tháng hành động về ATTP</i>					
3	Có Quyết định/ Chỉ thị về ATTP					
4	Có Kế hoạch triển khai công tác ATTP					
5	Có Công văn triển khai công tác ATTP					

(*) Nếu là báo cáo của 1 xã / 1 huyện/ 1 ngành, cơ quan nếu có thì đánh dấu (X) vào ô tương ứng

III. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÁC HOẠT ĐỘNG

1. Công tác thông tin, truyền thông, vận động bảo đảm ATTP

1.1. Kết quả vận động và giám sát bảo đảm ATTP

T T	Hoạt động	Thôn, bản		Tuyến xã		Tuyến huyện		Tuyến tỉnh	
		Tổng số	Số thực hiện	Tổng số	Số thực hiện	Tổng số	Số thực hiện	Tổng số	Số thực hiện
1	Tập huấn về ATTP (Cộng a - c)								
a	BCĐLN về ATTP (người)								
b	UBMTTQ và các đơn vị thành viên (người)								
c	Người sản xuất, kinh doanh thực phẩm (người)								
2	Số huyện, xã xây dựng mô hình vận động và giám sát ATTP								
3	Số thôn, bản, khu dân cư tổ chức hoạt động tuyên truyền, vận động và kiểm tra, giám sát ATTP								
4	Số hộ được vận động đăng ký, cam kết ATTP								
5	Số hộ được công nhận sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn								
6	Số HTX, doanh nghiệp được công nhận sản xuất, kinh doanh nông sản thực phẩm an toàn								
7	Số xã được công nhận nông thôn mới đạt tiêu chí ATTP								
8	Số phường, thị trấn được công nhận đô thị văn minh đạt tiêu chí ATTP								
9	Số lượng cộng tác viên tuyên truyền về ATTP								

1.2. Kết quả truyền thông về ATTP

TT	Hoạt động	Thôn, bản		Tuyến xã		Tuyến huyện		Tuyến tỉnh	
		Số lượng/buổi	TS người tham dự/ phạm vi bao phủ	Số lượng/buổi	TS người tham dự/ phạm vi bao phủ	Số lượng/buổi	TS người tham dự/ phạm vi bao phủ	Số lượng/buổi	TS người tham dự/ phạm vi bao phủ
1	Tổ chức phát động Tháng hành động về ATTP								
2	Nói chuyện								
3	Tập huấn								
4	Hội thảo								
5	Phát thanh								
6	Truyền hình								
7	Loa, đài; TT lưu động								
8	Báo viết, báo điện tử								
9	Sản phẩm truyền thông:								
	- Băng rôn, khẩu hiệu								
	- Tranh ảnh, áp - phích								
	- Tờ gấp								
	- Băng, đĩa hình								
	- Băng, đĩa âm								
	- Khác (ghi rõ):.....								
10	Hoạt động khác (ghi rõ):...								

1.3. Công khai, tiếp nhận, xử lý thông tin

TT	Hoạt động	Tuyến xã		Tuyến huyện		Tuyến tỉnh	
		Tổng số	Số thực hiện	Tổng số	Số thực hiện	Tổng số cơ quan	Số thực hiện
1	Công khai đường dây nóng về ATTP						
2	Thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng danh sách cơ sở sản xuất, chế biến sản phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn						
3	Thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng danh sách cơ sở phân phối, kinh doanh sản phẩm thực phẩm được kiểm nghiệm, xác nhận bảo đảm an toàn						
4	Số vụ tiếp nhận thông tin phải xử lý						
5	Số vụ tiếp nhận thông tin đã xử lý						
6	Số vụ tiếp nhận thông tin đang xử lý						
7	Số vụ tiếp nhận thông tin chưa xử lý						

2. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát chấp hành pháp luật về ATTP

2.1. Tình hình quản lý cơ sở thực phẩm và kiểm soát lưu thông thực phẩm

a) Kết quả cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP:

T T	Loại hình	Tuyến huyện				Tuyến tỉnh			
		Tổng số	Số phải cấp	Số cấp mới	Lũy tích (còn hiệu lực)	Tổng số	Số phải cấp	Số cấp mới	Lũy tích (còn hiệu lực)
1	Cơ sở thu gom								
2	Cơ sở giết mổ								
3	Cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm								
4	Cơ sở kinh doanh; nhập khẩu; xuất khẩu thực phẩm								
5	Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống								
	Cộng (1 - 5)								

b) Kết quả ký cam kết bảo đảm ATTP:

T T	Loại hình	Tuyến xã				Tuyến huyện				Tuyến tỉnh			
		Tổng số	Số phải ký	Số ký mới	Lũy tích (còn hiệu lực)	Tổng số	Số phải ký	Số ký mới	Lũy tích (còn hiệu lực)	Tổng số	Số phải ký	Số ký mới	Lũy tích (còn hiệu lực)
1	Cơ sở thu gom												
2	Cơ sở giết mổ												
3	Cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm												
4	Cơ sở kinh doanh; nhập khẩu; xuất khẩu thực phẩm												
5	Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống												
6	Bếp ăn tập thể												
7	Cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố												
	Cộng (1 - 7)												

c) Kết quả quy hoạch và kiểm soát đối với chợ, siêu thị:

TT	Loại hình	Tuyến xã				Tuyến huyện				Tuyến tỉnh			
		Tổng số	Số quy hoạch bảo đảm ATTP	Số kiểm tra	% đạt so với số kiểm tra	Tổng số	Số quy hoạch bảo đảm ATTP	Số kiểm tra	% đạt so với số kiểm tra	Tổng số	Số quy hoạch bảo đảm ATTP	Số kiểm tra	% đạt so với số kiểm tra
1	Chợ hạng 1												
2	Chợ hạng 2												
3	Chợ hạng 3												
4	Chợ tạm												
5	Siêu thị												
	Cộng (1 - 5)												

d) Kết quả kiểm soát thực phẩm nhập lậu, không rõ nguồn gốc, kém chất lượng; kiểm soát lưu thông, vận chuyển thực phẩm: (Nêu cụ thể về số lượng vụ việc, hình thức xử lý như: thu hồi, tiêu hủy, xử phạt, buộc kiểm dịch, tái chế, phát mại.....)

2.2. Tình hình thanh tra, kiểm tra, giám sát chấp hành pháp luật về ATTP

a) Thành lập đoàn thanh tra, kiểm tra:

TT	Thành phần đoàn	Tuyến xã	Tuyến huyện	Tuyến tỉnh
1	Số Đoàn thanh tra, kiểm tra chuyên ngành			
2	Số Đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành			
3	Số Đoàn giám sát về ATTP			
	Cộng			
	Trong đó:			
	- Số đoàn thanh tra, kiểm tra, giám sát có thành phần của MTTQ hoặc đơn vị thành viên			
	- Số đoàn thanh tra, kiểm tra, giám sát đã gửi kết luận hoặc báo cáo đợt thanh tra, kiểm tra, giám sát tới MTTQ cùng cấp			

b) Kết quả thanh tra, kiểm tra cơ sở thực phẩm:

T T	Nội dung	Tuyến xã			Tuyến huyện			Tuyến tỉnh		
		Tổng số	Số K.tra	Số đạt	Tổng số	Số K.tra	Số đạt	Tổng số	Số K.tra	Số đạt
1	Cơ sở thu gom									
2	Cơ sở giết mổ									
3	Cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm									
4	Cơ sở kinh doanh; nhập khẩu; xuất khẩu thực phẩm									
5	Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống									
6	Bếp ăn tập thể									
7	Cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố									
	Cộng (1 - 7)									

c) Tình hình vi phạm và xử lý vi phạm về ATTP:

Tổng hợp tình hình vi phạm	Tuyến xã		Tuyến huyện		Tuyến tỉnh	
	Số lượng	% so với số được kiểm tra	Số lượng	% so với số được kiểm tra	Số lượng	% so với số được kiểm tra
1. T.số cơ sở được thanh tra, kiểm tra						
2. Số cơ sở có vi phạm						
3. Số cơ sở vi phạm bị xử lý						
Trong đó:						
3.1. Hình thức phạt chính:						
Số cơ sở bị cảnh cáo						
Số cơ sở bị phạt tiền						
Tổng số tiền phạt (Tr.đồng)						
3.2. Hình thức phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả:						
* Số cơ sở bị đóng cửa						
* Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành SP						
- Số sản phẩm bị đình chỉ lưu hành						
* Số cơ sở bị tiêu hủy sản phẩm						
- Tổng số loại sản phẩm bị tiêu hủy						
* Số cơ sở phải khắc phục về nhãn						
- Số loại SP có nhãn phải khắc phục						
* Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành tài liệu quảng cáo						
- Số loại tài liệu quảng cáo bị đình chỉ lưu hành						
- Các xử lý khác (ghi rõ)						
3.3. Chuyển hồ sơ sang cơ quan khác xử lý						
3.4. Số cơ sở có vi phạm nhưng không xử lý (chỉ nhắc nhở)						

d) Các nội dung vi phạm về ATTP chủ yếu:

T T	Nội dung vi phạm	Tuyến xã			Tuyến huyện			Tuyến tỉnh		
		Số kiểm tra	Số vi phạm	% vi phạm	Số kiểm tra	Số vi phạm	% vi phạm	Số kiểm tra	Số vi phạm	% vi phạm
1	Giấy chứng nhận kinh doanh									
2	Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP									
3	Công bố tiêu chuẩn sản phẩm									
4	Điều kiện vệ sinh cơ sở									
5	Điều kiện vệ sinh trang thiết bị dụng cụ									
6	Điều kiện con người									
7	Công bố sản phẩm									
8	Ghi nhãn thực phẩm									
9	Quảng cáo thực phẩm									
10	Chất lượng SP thực phẩm									
11	Vi phạm khác (ghi rõ)									

đ) Kết quả kiểm nghiệm mẫu thực phẩm

Tên loại xét nghiệm		Tuyển xã		Tuyển huyện		Tuyển tỉnh	
		Tổng số mẫu	Số mẫu đạt	Tổng số mẫu	Số mẫu đạt	Tổng số mẫu	Số mẫu đạt
<i>Xét nghiệm tại labo</i>	<i>Hoá lý</i>						
	<i>Vi sinh vật</i>						
Cộng số mẫu XN tại labo							
<i>Xét nghiệm nhanh</i>							
Cộng							

2.3. Kết quả giám sát về ATTP của MTTQ và các tổ chức thành viên

TT	Tên đơn vị/ cơ sở thực phẩm được giám sát	Tuyển xã		Tuyển huyện		Tuyển tỉnh	
		Số giám sát	Số đạt yêu cầu	Số giám sát	Số đạt yêu cầu	Số giám sát	Số đạt yêu cầu
1	Đơn vị thuộc Sở NN&PTNT quản lý						
2	Đơn vị thuộc Sở Công Thương quản lý						
3	Đơn vị thuộc Sở Y tế quản lý						
4	UBND huyện, TP và các đơn vị trực thuộc						
5	UBND xã, phường, thị trấn						
6	Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm:						
a	<i>Cơ sở thực phẩm thuộc lĩnh vực ngành NN&PTNT quản lý</i>						
b	<i>Cơ sở thực phẩm thuộc lĩnh vực ngành công thương quản lý</i>						
c	<i>Cơ sở thực phẩm thuộc lĩnh vực ngành y tế quản lý</i>						

3. Tình hình dịch, bệnh và ngộ độc thực phẩm cấp tính được ghi nhận

3.1. *Tình hình dịch bệnh gia súc, gia cầm: Nêu cụ thể loại dịch bệnh, số lượng mắc, các biện pháp xử trí, kết quả phòng chống dịch.*

3.2. *Vụ ngộ độc thực phẩm cấp tính được ghi nhận: Nêu cụ thể về số vụ, số ca mắc, số tử vong, tỷ lệ mắc/100.000 dân; biện pháp và kết quả khắc phục.*

3.3. *Tình hình dịch bệnh đường tiêu hóa ở người: Nêu cụ thể loại dịch bệnh, số lượng mắc, các biện pháp xử trí và kết quả khắc phục.*

4. Kết quả đầu tư nguồn lực cho công tác ATTP

4.1. Kinh phí

TT	Kinh phí phân bổ cho các hoạt động	Nguồn kinh phí (ĐVT: Triệu đồng)						Cộng
		Tuyển xã	Tuyển huyện	Tuyển tỉnh	Trung ương	Viện trợ	Nguồn khác	
1	Quản lý; đào tạo, tập huấn							
2	Truyền thông							
3	Thanh tra, kiểm tra							
4	Giám sát							
5	Xét nghiệm							
6	Phòng, chống dịch bệnh							
	Cộng (1 - 6)							

4.2. Nhân lực làm công tác ATTP

TT	Nhân lực bố trí tại các cấp, các ngành	Tuyển xã		Tuyển huyện		Tuyển tỉnh	
		Chuyên trách	Kiểm nhiệm	Chuyên trách	Kiểm nhiệm	Chuyên trách	Kiểm nhiệm
1	Ngành NN&PTNT						
2	Ngành công thương						
3	Ngành y tế						
4	UBND xã, phường, thị trấn						
	Cộng						

IV. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

(Nhận xét, đánh giá cụ thể theo số liệu, kết quả thực hiện đã nêu ở trên và có so sánh với cùng kỳ năm trước; đánh giá điểm mạnh, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân)

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

(Nêu cụ thể)

VI. PHƯƠNG HƯỚNG TRIỂN KHAI KỲ TIẾP THEO

(Nêu phương hướng nhiệm vụ thực hiện công tác bảo đảm ATTP quý kế tiếp; 6 tháng cuối năm hoặc năm kế tiếp)

Nơi nhận:

-

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Bản điện tử:

-

-

Ghi chú: Để tránh việc trùng lặp số liệu về kết quả thực hiện tại các cấp, các ngành. Đề nghị các cơ quan, địa phương tổng hợp, báo cáo như sau:

- **BCĐLN về ATTP các huyện, xã:** Tổng hợp kết quả thực hiện trên địa bàn và báo cáo đầy đủ các nội dung theo đề cương trên (Lưu ý: Tuyển huyện báo cáo kết quả thực hiện của các đơn vị thành viên BCĐLN về ATTP cùng cấp và của các xã, phường, thị trấn).

- **Sở NN&PTNT, Sở Công Thương, Sở Y tế:** Tổng hợp kết quả thực hiện của các đơn vị cấp tỉnh trực thuộc Sở và báo cáo đầy đủ các nội dung theo đề cương trên.

- **Các cơ quan, đơn vị là thành viên BCĐLN về ATTP cấp tỉnh, huyện:** Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và nội dung đánh giá tại Mục II, III của đề cương để tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện (Lưu ý: Các cơ quan tuyển tỉnh không tổng hợp kết quả thực hiện của các đơn vị thuộc ngành ở cấp huyện, xã vì đã được tổng hợp trong báo cáo của cấp huyện, xã).

Biểu mẫu số 01

.....
TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /KH-...

....., ngày tháng năm

KẾ HOẠCH

Kiểm tra an toàn thực phẩm năm.....

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm năm 2010;

Căn cứ (Luật và Nghị định liên quan);

Căn cứ Hướng dẫn số /HD-BCĐ ngày tháng năm 2016 của Ban chỉ đạo liên ngành về An toàn thực phẩm tỉnh về hướng dẫn quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

(Cơ quan kiểm tra) xây dựng kế hoạch kiểm tra an toàn thực phẩm năm như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích
2. Yêu cầu

II. Nội dung kế hoạch

1. Nội dung kiểm tra
2. Đối tượng, phạm vi, địa bàn kiểm tra
3. Thời gian tiến hành
4. Đoàn kiểm tra
5. Kinh phí

III. Tổ chức thực hiện

(Phân công trách nhiệm thực hiện cho các đơn vị, cá nhân liên quan).

Nơi nhận:

-;
- Lưu: VT.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Biểu mẫu số 02

.....
TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-.....

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Kiểm tra an toàn thực phẩm

THẨM QUYỀN BAN HÀNH VĂN BẢN ⁽¹⁾

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ (Luật và Nghị định liên quan);

Căn cứ Thông tư số ⁽²⁾

Căn cứ ⁽³⁾ ...

Căn cứ kế hoạch ... (yêu cầu quản lý hoặc chỉ đạo của cơ quan quản lý cấp trên) ⁽⁴⁾;

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiểm tra an toàn thực phẩm

Hình thức kiểm tra: (Định kỳ hoặc đột xuất)

Thời hạn kiểm tra: (ghi số ngày kiểm tra kể từ ngày công bố quyết định kiểm tra)

Thời kỳ kiểm tra: (ghi từ ngày ... tháng ... năm đến thời điểm kiểm tra)

Điều 2. Thành lập đoàn kiểm tra gồm các thành viên sau:

1. Họ tên và chức vụ: Trưởng đoàn

2. Họ tên và chức vụ: Thành viên

3.

Điều 3. Đoàn kiểm tra có nhiệm vụ:

(Ghi nhiệm vụ của đoàn kiểm tra)

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Ghi các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều

- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

⁽¹⁾ Thủ trưởng cơ quan ra quyết định;

⁽²⁾ Văn bản quy phạm pháp luật quy định về hướng dẫn công tác thanh tra, kiểm tra.

⁽³⁾ Văn bản quy phạm pháp luật quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan ra quyết định.

⁽⁴⁾ Ghi kế hoạch kiểm tra được phê duyệt nếu là kiểm tra theo kế hoạch; nếu là kiểm tra đột xuất thì ghi lý do theo Khoản 1 Điều 8 Thông tư này.

Biểu mẫu số 03

TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA
ĐOÀN KIỂM TRA.....)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-.....

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO
KẾT QUẢ KIỂM TRA VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA

1. Các nhóm đối tượng được kiểm tra;
2. Địa bàn kiểm tra và số cơ sở được kiểm tra;
3. Tình hình an toàn thực phẩm qua kiểm tra;

(Đánh giá tình hình an toàn thực phẩm theo nội dung kiểm tra (tham khảo điểm a, b mục 4.2 phần III của hướng dẫn này và quy định tại các Thông tư khác của cơ quan chuyên ngành).

4. Tình hình vi phạm, xử lý và kiến nghị xử lý vi phạm:
(Chi tiết tên cơ sở, hành vi, kiến nghị xử lý)

III. NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ CHUNG

IV. KIẾN NGHỊ

(Các phụ lục kèm theo báo cáo:)

Nơi nhận:

-;
-;
- Lưu: VT,.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN KIỂM TRA
Hoặc TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu mẫu số 04

UBND.....
**ĐOÀN KIỂM TRA LIÊN NGÀNH/
CHUYÊN NGÀNH VỀ ATTP**
(Theo QĐ số/QĐ-.....
ngày/...../201.....)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BB-ATTP , ngày tháng năm 201....

BIÊN BẢN
Kiểm tra điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm

Thực hiện Quyết định số/QĐ-..... ngày/...../201.... của
..... về việc kiểm tra an toàn thực phẩm (ATTP) năm 201...
Hôm nay vào hồi giờ ' , ngày tháng năm 201... , Đoàn kiểm tra tiến
hành kiểm tra tại cơ sở

Địa chỉ:.....
Điện thoại: Email:
Người đại diện theo pháp luật:..... Chức vụ:.....
Loại hình/ nhóm sản phẩm sản xuất, kinh doanh:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA BUỔI LÀM VIỆC

1. Thành phần đoàn kiểm tra:

1. Ông (bà)..... Chức vụ:.....
2. Ông (bà)..... Chức vụ:.....
3. Ông (bà)..... Chức vụ:.....
4. Ông (bà)..... Chức vụ:.....
5. Ông (bà)..... Chức vụ:.....

2. Đại diện cơ sở được kiểm tra:

1. Ông (bà)..... Chức vụ:.....
2. Ông (bà)..... Chức vụ:.....

II. NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA

1. Công bố Quyết định kiểm tra

Đại diện Đoàn kiểm tra công bố Quyết định số/QĐ-..... ngày/...../201...
của về việc kiểm tra ATTP đối với cơ sở sản
xuất, kinh doanh thực phẩm; thông qua nội dung, thời gian kiểm tra.

**2. Kết quả kiểm tra: Phụ lục đánh giá chi tiết kèm theo (sốphụ
lục kèm theo)**

- | | |
|--|-------------------|
| 2.1. Bảng đánh giá chi tiết về điều kiện cơ sở | Không [], Có [] |
| 2.2. Biên bản lấy mẫu kiểm nghiệm | Không [], Có [] |
| 2.3. Biên bản khác | Không [], Có [] |

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

1.1. Các nội dung cơ sở thực hiện tốt:.....

KẾT QUẢ

Đánh giá điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc ngành Y tế quản lý

Đối với:.....
 (Kèm theo Biên bản số /BBKT-ATTP ngày / /201.....của Đoàn kiểm tra chấp hành pháp luật về ATTP theo Quyết định số/QĐ-ATTP ngày..../..../201... của.....)

A. Hồ sơ hành chính, pháp lý của cơ sở:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Không [], Có [] số:.....
 cấp ngày...../...../..... do.....
- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP Không [], Có [] số:.....
 cấp ngày...../...../..... do.....
- Giấy tờ khác:
- Số người lao động:..... Trong đó: Trực tiếp: Gián tiếp.....
- Giấy xác nhận kiến thức về ATTP: Có, số người/ tổng số:.....
 Không, số người/ tổng số:.....
- Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm: Có, số người/ tổng số:...../.....; Không, số người/ tổng số:...../.....;
- Giấy chứng nhận cơ sở đạt ISO, HACCP và tương đương.....

B. Đánh giá về điều kiện ATTP

TT	Nội dung đánh giá	Nhận xét		Ghi chú (diễn giải nội dung không đạt, còn tồn tại)
		Đạt	Không đạt	
I. Điều kiện vệ sinh đối với cơ sở				
1	Địa điểm, môi trường			
2	Thiết kế và bố trí nhà xưởng			
3	Kết cấu nhà xưởng			
4	Hệ thống thông gió			
5	Hệ thống chiếu sáng			
6	Hệ thống cung cấp nước			
7	Hơi nước và khí nén			
8	Hệ thống xử lý chất thải, rác thải			
9	Nguyên liệu thực phẩm và bao bì thực phẩm			
...	Nội dung khác			
II. Điều kiện trang thiết bị, dụng cụ				
10	Vật liệu chế tạo trang thiết bị dụng cụ tiếp xúc với thực phẩm			
11	Phương tiện rửa tay và khử trùng tay			
12	Thiết bị, dụng cụ dùng trong sản xuất			
13	Thiết bị phòng chống côn trùng, động vật			
14	Quần áo bảo hộ lao động, mũ chụp tóc, mạng			
15	Trang thiết bị, dụng cụ giám sát, vận chuyển, bảo quản thực phẩm			

16	Chất tẩy rửa và sát trùng			
17	Kho bảo quản thực phẩm có các trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm việc bảo quản thực phẩm (có giá, kệ, trang thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại, điều hòa, âm kê...)			
18	Quy trình sản xuất			
...	Nội dung khác			
III. Điều kiện về con người				
19	Nhân viên tiếp xúc với thực phẩm được xác nhận kiến thức về ATTP			
20	Nhân viên tiếp xúc với thực phẩm được khám sức khỏe định kỳ			
21	Nhân viên tiếp xúc với thực phẩm mặc trang phục bảo hộ riêng, đội mũ, đi găng tay chuyên dùng, đeo khẩu trang.			
22	Người trực tiếp sản xuất thực phẩm phải tuân thủ các quy định về thực hành vệ sinh cá nhân (giữ móng tay ngắn, sạch sẽ không đeo nhẫn và đồng hồ....)			
.....	Các nội dung khác			
IV. Nguyên liệu, phụ gia thực phẩm, nguồn nước				
23	Có hợp đồng về nguồn cung cấp nguyên liệu thực phẩm an toàn.			
24	Phụ gia thực phẩm dùng trong chế biến thực phẩm nằm trong danh mục cho phép của Bộ Y tế.			
25	Thực phẩm sử dụng để chế biến đã được công bố, nhãn mác đúng quy định, đầy đủ, còn hạn sử dụng.			
....	Các nội dung khác			
C. Kiểm tra về sản phẩm và liên quan đến sản phẩm				
I. Ghi nhãn sản phẩm				
1	Số sản phẩm đang sản xuất, kinh doanh			
2	Thực hiện ghi sản phẩm (<i>ghi số đạt hoặc không đạt cụ thể vào cột nhận xét</i>)			
3	Đánh giá chấp hành của cơ sở (<i>nhận xét đạt hay không đạt</i>)			
II. Công bố sản phẩm (công bố hợp quy/ công bố phù hợp quy định ATTP)				
1.	T. số sản phẩm đang sản xuất, kinh doanh			
2.	Số sản phẩm còn hiệu lực			
3.	Số sản phẩm không còn hiệu lực			
4.	Số sản phẩm không có Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy/ giấy xác nhận công bố phù hợp quy định ATTP			

III.	Quảng cáo sản phẩm (có phát hành tờ rơi, tài liệu và vật dụng liên quan đến quảng cáo sản phẩm)			
1.	Số sản phẩm đang quảng cáo.....			
2.	Số sản phẩm có giấy xác nhận nội dung quảng cáo			
3.	Đánh giá việc chấp hành của cơ sở (nhận xét đạt hay không đạt)			
IV.	Kiểm nghiệm định kỳ sản phẩm			
1.	Số sản phẩm đang sản xuất, kinh doanh			
2.	Số sản phẩm thực hiện kiểm nghiệm mẫu định kỳ đúng thời gian quy định			
3.	Chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp với bản thông tin chi tiết sản phẩm			
4.	Đánh giá việc chấp hành của cơ sở (nhận xét đạt hay không đạt)			
Tổng kết số chỉ tiêu đánh giá: /t.sốchỉ tiêu				
Phân loại:	Loại A: khi cơ sở đạt các điều kiện ATTP			
	Loại B: Khi cơ sở còn có từ 60-80% nhóm tiêu chí không đạt và có kiến nghị khắc phục và báo cáo khắc phục có thời hạn.			
	Loại C: Khi cơ sở có các nội dung không đạt và có kiến nghị xử lý vi phạm hành chính về ATTP			

D. Lấy mẫu kiểm nghiệm

Sản phẩm thực phẩm:.....

Chỉ định chỉ tiêu kiểm nghiệm:.....

(Có biên bản lấy mẫu kiểm nghiệm kèm theo)

D. Tình hình thực hiện các nội dung kiến nghị

- Nội dung kiến nghị của đoàn kiểm tra trước: có [] ; Không []
- Đơn vị kiểm tra:.....Thời gian kiểm tra / /
- Tình hình khắc phục các nội dung tồn tại có kiến nghị:.....

(Phụ lục này không tách rời với biên bản kiểm tra số /BBKT-ATTP ngày .../ /201... của Đoàn kiểm tra theo Quyết định số .../QĐ- ngày .../.../201... của Chủ tịch.....)

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ THỰC PHẨM
ĐƯỢC KIỂM TRA**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐOÀN KIỂM TRA
THÀNH VIÊN TRƯỞNG ĐOÀN**
(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên)

KẾT QUẢ

Đánh giá điều kiện ATTP đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống

Đối với:.....

(Kèm theo Biên bản số /BBKT-ATTP ngày / /201.....của Đoàn kiểm tra chấp hành pháp luật về ATTP theo Quyết định số/QĐ-ATTP ngày/.../201... của)

A. Hồ sơ hành chính, pháp lý của cơ sở:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Không [], Có [] số:.....
cấp ngày...../...../..... do.....
- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP Không [], Có []
số:..... cấp ngày...../...../..... do.....
- Giấy tờ khác:
-
- Số người lao động:..... Trong đó: Trực tiếp: Gián tiếp.....
- Giấy xác nhận kiến thức về ATTP: Có, số người/ tổng số:.....
Không, số người/ tổng số:.....
- Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và của người trực tiếp sản xuất, kinh
doanh thực phẩm: Có, số người/ tổng số:...../.....; Không, số người/ tổng số:...../.....;
- Giấy chứng nhận cơ sở đạt ISO, HACCP và tương đương.....
-

B. Kết quả đánh giá về điều kiện bảo đảm ATTP

TT	Nội dung đánh giá	Đạt	Không đạt	Ghi chú
1.	Điều kiện vệ sinh đối với cơ sở			
1.1	Địa điểm, môi trường			
1.2	Khu vực sơ chế, chế biến thực phẩm bảo đảm sạch, cách biệt với nguồn ô nhiễm			
1.3	Thiết kế, bố trí khu vực chế biến (bếp) theo nguyên tắc một chiều			
1.4	Tường xung quanh khu vực chế biến (bếp) đảm bảo sạch, dễ vệ sinh			
1.5	Sàn nhà sạch, dễ vệ sinh, không đọng nước			
1.6	Khu vực ăn uống (phòng ăn) cho khách đảm bảo vệ sinh			
1.7	Kho bảo quản thực phẩm đảm bảo các điều kiện vệ sinh theo quy định			
1.8	Hệ thống cung cấp nước cho chế biến đảm bảo vệ sinh			
1.9	Hệ thống xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh			
1.10	Phòng thay quần áo bảo hộ lao động			
1.11	Nhà vệ sinh cách biệt với khu chế biến, phòng ăn			
.....	Các nội dung khác:			

TT	Nội dung đánh giá	Đạt	Không đạt	Ghi chú
2	Điều kiện trang thiết bị, dụng cụ			
2.1	Phương tiện rửa tay và khử trùng tay			
2.2	Thiết bị phòng chống côn trùng, động vật			
2.3	Quần áo bảo hộ lao động, mũ chụp tóc, mạng			
2.4	Trang thiết bị, dụng cụ giám sát, bảo quản thực phẩm			
2.5	Thiết bị, dụng cụ phục vụ chế biến bảo đảm hợp vệ sinh và riêng biệt đối với thức ăn sống và thức ăn chín			
2.6	Thiết bị, dụng cụ bảo quản, che đậy thức ăn đã được chế biến			
2.7	Thiết bị, dụng cụ để kẹp, gấp, xúc thức ăn			
2.8	Có trang thiết bị, dụng cụ, tủ lưu mẫu theo quy định			
2.9	Dụng cụ chứa đựng chất thải đảm bảo kín, có nắp đậy			
2.10	Kho bảo quản thực phẩm có các trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm việc bảo quản thực phẩm (có giá, kệ, trang thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại, điều hòa, ẩm kế...)			
....	Các nội dung khác:			
3	Điều kiện về con người			
3.1	Nhân viên trực tiếp chế biến thực phẩm thay đồ bảo hộ, mũ chụp tóc, tháo bỏ mọi trang sức, cắt ngắn móng tay, đeo găng tay khi chế biến thực phẩm			
3.2	Phụ trách bộ phận nắm được nguyên tắc một chiều và thực hiện đúng nguyên tắc			
3.3	Phụ trách bộ phận, nhân viên nắm được kỹ thuật kiểm thực ba bước và có tiến hành kiểm thực ba bước theo đúng kỹ thuật			
3.4	Phụ trách bộ phận, nhân viên nắm được phương pháp lưu mẫu và thực hiện lưu mẫu đúng nguyên tắc			
.....	Các nội dung khác:			
4	Nguyên liệu, phụ gia thực phẩm, nguồn nước			
4.1	Có hợp đồng về nguồn cung cấp nguyên liệu thực phẩm an toàn			
1.2	Phụ gia thực phẩm dùng trong chế biến thực phẩm nằm trong danh mục cho phép của Bộ Y tế			
4.3	Nước dùng trong chế biến thực phẩm			
4.4	Thực phẩm sử dụng để chế biến đã được công bố, nhãn mác đúng quy định, đầy đủ			

TT	Nội dung đánh giá	Đạt	Không đạt	Ghi chú
Tổng số chỉ tiêu đánh giá: /t.sốchỉ tiêu				
Phân loại:	<i>Loại A: khi cơ sở đạt các điều kiện ATTP</i>			
	<i>Loại B: Khi cơ sở còn có từ 60-80% nhóm tiêu chí không đạt và có kiến nghị khắc phục và báo cáo khắc phục có thời hạn.</i>			
	<i>Loại C: Khi cơ sở có các nội dung không đạt và có kiến nghị xử lý vi phạm hành chính về ATTP</i>			

C. Lấy mẫu kiểm nghiệm

Sản phẩm thực phẩm/mẫu thức ăn:.....

Chỉ định chỉ tiêu kiểm nghiệm:.....

(Có biên bản lấy mẫu kiểm nghiệm kèm theo)

D. Tình hình thực hiện các nội dung kiến nghị

- Nội dung kiến nghị của đoàn kiểm tra trước: có []; Không []
- Đơn vị kiểm tra:.....Thời gian kiểm tra / /
- Tình hình khắc phục các nội dung tồn tại có kiến nghị:.....

(Phụ lục này không tách rời với biên bản kiểm tra số /BBKT-ATTP ngày .../ /201... của Đoàn kiểm tra theo Quyết định số .../QĐ- ngày .../.../201... của Chủ tịch.....)

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ THỰC PHẨM

ĐƯỢC KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐOÀN KIỂM TRA

THÀNH VIÊN

(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG ĐOÀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾT QUẢ

Đánh giá điều kiện ATTP đối với cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố
(Kèm theo Biên bản số /BBKT-ATTP ngày / /201.....của Đoàn kiểm tra chấp hành pháp luật về ATTP theo Quyết định số/QĐ-ATTP ngày/...../201... của)

A. Hồ sơ hành chính, pháp lý của cơ sở:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Không [], Có [] số:.....
cấp ngày...../...../..... do.....
- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP Không [], Có []
số:..... cấp ngày...../...../..... do.....
- Giấy tờ khác:
-
- Số người lao động:..... Trong đó: Trực tiếp: Gián tiếp.....
- Giấy xác nhận kiến thức về ATTP: Có, số người/ tổng số:.....
Không, số người/ tổng số:.....
- Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm: Có, số người/ tổng số:...../.....; Không, số người/ tổng số:...../.....;
- Giấy chứng nhận cơ sở đạt ISO, HACCP và tương đương.....
-

B. Kết quả đánh giá về điều kiện bảo đảm ATTP

TT	Nội dung đánh giá	Nhân xét		Ghi chú
		Đạt	Không đạt	
1	Điều kiện an toàn thực phẩm			
1.1	Tổng diện tích bày bán			
1.2	Địa điểm môi trường kinh doanh			
1.3	Thiết kế, bố trí kinh doanh			
a	Nơi để nguyên liệu			
b	Nơi sơ chế, chế biến			
c	Nơi bày bán, kinh doanh, ăn uống			
d	Nơi để dụng cụ vệ sinh, thu gom chất thải			
đ	Khoang chứa đựng, bảo quản thức ăn ngay (đối với hàng bán rong)			
1.4	Nguồn nước sử dụng, nước đá uống			
1.5	Nguồn gốc thực phẩm			
1.6	Trang thiết bị, dụng cụ			
a	Thiết bị bảo quản nguyên liệu			
b	Dụng cụ chế biến thức ăn sống			
c	Dụng cụ chế biến thức ăn chín			
d	Dụng cụ ăn uống			
đ	Dụng cụ chứa đựng thức ăn			
e	Thiết bị dụng cụ bày bán thức ăn (bàn, ghế)			
g	Trang thiết bị vận chuyển thức ăn			

TT	Nội dung đánh giá	Nhân xét		Ghi chú
		Đạt	Không đạt	
h	Thiết bị bảo quản thức ăn			
i	Bao bì chứa đựng thức ăn			
k	Thiết bị vệ sinh trang thiết bị, dụng cụ			
l	Phòng chống côn trùng và động vật gây hại			
m	Găng tay ni lông dùng một lần			
1.7	Điều kiện đối với người kinh doanh			
-	Trang phục, vệ sinh cá nhân			
-	Tình trạng sức khỏe			
Tổng số tiêu chí đánh giá...../ tổng sốtiêu chí				
Phân loại	<i>Loại A: khi cơ sở đạt các điều kiện ATTP</i>			
	<i>Loại B: Khi cơ sở còn có từ 60-80% nhóm tiêu chí không đạt và có kiến nghị khắc phục và báo cáo khắc phục có thời hạn.</i>			
	<i>Loại C: Khi cơ sở có các nội dung không đạt và có kiến nghị xử lý vi phạm hành chính về ATTP</i>			

C. Lấy mẫu kiểm nghiệm

Sản phẩm thực phẩm/ thức ăn lấy mẫu:.....

.....

Chỉ định chỉ tiêu kiểm nghiệm:.....

.....

(Có biên bản lấy mẫu kiểm nghiệm kèm theo)

D. Tình hình thực hiện các nội dung kiến nghị

- Nội dung kiến nghị của đoàn kiểm tra trước: có [] ; Không []

- Đơn vị kiểm tra:.....Thời gian kiểm tra

/ /

- Tình hình khắc phục các nội dung tồn tại có kiến nghị:.....

.....

.....

(Phụ lục này không tách rời với biên bản kiểm tra số /BBKT-ATTP ngày .../ /201... của Đoàn kiểm tra theo Quyết định số/QĐ- ngày .../.../201... của Chủ tịch.....)

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ THỰC PHẨM
ĐƯỢC KIỂM TRA**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐOÀN KIỂM TRA
THÀNH VIÊN TRƯỞNG ĐOÀN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾT QUẢ
Đánh giá điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất thực phẩm
thuộc ngành Công thương quản lý

(Kèm theo Biên bản số /BBKT-ATTP ngày / /201.....của Đoàn kiểm tra chấp hành pháp luật về ATTP theo Quyết định số/QĐ-ATTP ngày/..../201... của

A. Đánh giá về Hồ sơ hành chính; điều kiện ATTP

TT	Nội dung	Nhận xét		Ghi chú
		Đạt	Không đạt	
I. KIỂM TRA HỒ SƠ, QUY TRÌNH SẢN XUẤT				
1	Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh			
2	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP			
3	Giấy phép sản xuất rượu (nếu cơ sở SX rượu)			
4	Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định ATTP			
5	Bản công bố hợp quy, bản thông tin chi tiết sản phẩm và mẫu sản phẩm đối chứng			
6	Kết quả kiểm nghiệm sản phẩm			
7	Phiếu kiểm nghiệm chất lượng nước			
8	Hồ sơ lưu mẫu sản phẩm			
9	Hợp đồng mua bán nguyên liệu, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến, chất bảo quản TP			
10	Giấy xác nhận tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm.			
11	Giấy xác nhận đủ sức khoẻ			
12	Nội dung ghi nhãn sản phẩm			
13	Chứng chỉ phù hợp tiêu chuẩn HACCP, ISO 22000 hoặc tương đương (nếu có)			
14	Biên bản thanh tra, kiểm tra gần nhất			
II. KIỂM TRA HIỆN TẠI CƠ SỞ SẢN XUẤT				
1. Địa điểm				
1	Địa điểm cơ sở			
2	Môi trường cơ sở			
3	Thiết kế, kết cấu và bố trí nhà xưởng			
4	Hệ thống chiếu sáng			
5	Hệ thống thông gió			

6	Phòng thay trang phục bảo hộ lao động			
7	Khu nhà vệ sinh			
8	Hệ thống thu gom, xử lý rác thải			
9	Hệ thống xử lý nước thải			
2. Trang thiết bị dụng cụ sản xuất, chế biến				
1	Thiết bị, dụng cụ sản xuất thực phẩm			
2	Thiết bị, dụng cụ bao gói sản phẩm			
3	Thiết bị, dụng cụ vệ sinh			
4	Thiết bị giám sát, đo lường			
5	Phương tiện rửa và khử trùng tay			
6	Lưu mẫu và bảo quản mẫu			
7	Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại			
8	Bao bì chứa đựng thực phẩm			
9	Thiết bị, dụng cụ giám sát chất lượng			
10	Sử dụng các hoá chất tẩy rửa			
3. Người trực tiếp sản xuất thực phẩm				
1	Trang phục khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm			
2	Trang phục bảo hộ lao động			
3	Vệ sinh cá nhân			
4. Bảo quản thực phẩm				
1	Bảo quản nguyên liệu, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến, chất bảo quản thực phẩm, thành phẩm			
2	Giá, kệ để nguyên liệu, thành phẩm			
3	Thiết bị đo nhiệt độ, độ ẩm			
4	Phương tiện vận chuyển nguyên liệu, thành phẩm			
Tổng số tiêu chí đánh giá...../ tổng sốtiêu chí				
Phân loại	<i>Loại A: khi cơ sở đạt các điều kiện ATTP</i>			
	<i>Loại B: Khi cơ sở còn có từ 60-80% nhóm tiêu chí không đạt và có kiến nghị khắc phục và báo cáo khắc phục có thời hạn.</i>			
	<i>Loại C: Khi cơ sở có các nội dung không đạt và có kiến nghị xử lý vi phạm hành chính về ATTP</i>			

B. Lấy mẫu kiểm nghiệm

Sản phẩm thực phẩm:.....

Chi định chỉ tiêu kiểm nghiệm:.....

(Có biên bản lấy mẫu kiểm nghiệm kèm theo)

C. Tình hình thực hiện các nội dung kiến nghị

- Nội dung kiến nghị của đoàn kiểm tra trước: có []; Không []
- Đơn vị kiểm tra:..... Thời gian kiểm tra / /
- Tình hình khắc phục các nội dung tồn tại có kiến nghị:.....

(Phụ lục này không tách rời với biên bản kiểm tra số /BBKT-ATTP ngày .../ /201... của Đoàn kiểm tra theo Quyết định số .../QĐ- ngày .../.../201... của)

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ THỰC PHẨM
ĐƯỢC KIỂM TRA**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐOÀN KIỂM TRA
THÀNH VIÊN TRƯỞNG ĐOÀN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾT QUẢ

Kiểm tra điều kiện ATTP đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm thuộc ngành Công thương quản lý

(Kèm theo Biên bản số /BBKT-ATTP ngày / /201.....của Đoàn kiểm tra chấp hành pháp luật về ATTP theo Quyết định số/QĐ-ATTP ngày/...../201... của)

A. Hồ sơ hành chính, pháp lý của cơ sở:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Không [], Có [] số:.....
cấp ngày...../...../..... do.....
- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP Không [], Có []
số:..... cấp ngày...../...../..... do.....
- Giấy tờ khác:
-
- Số người lao động:..... Trong đó: Trực tiếp: Gián tiếp.....
- Giấy xác nhận kiến thức về ATTP: Có, số người/ tổng số:.....
Không, số người/ tổng số:.....
- Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và của người trực tiếp sản xuất, kinh
doanh thực phẩm: Có, số người/ tổng số:...../.....; Không, số người/ tổng số:...../.....;
- Giấy chứng nhận cơ sở đạt ISO, HACCP và tương đương.....

B. Đánh giá điều kiện an toàn thực phẩm

TT	Nội dung	Nhận xét		Ghi chú (diễn giải các nội dung không đạt)
		Đạt	Không đạt	
I. Điều kiện về địa điểm, cơ sở				
1	Địa điểm cơ sở			
2	Môi trường cơ sở			
3	Thiết kế, bố trí và kết cấu nhà xưởng			
	- Kho nguyên liệu			
	- Kho bao bì			
	- Kho sản phẩm			
	- Khu vực sản xuất			
	- Khu vực đóng gói			
	- Khu vực rửa tay			
	- Phòng thay đồ bảo hộ			
	- Nhà vệ sinh			
4	Nguyên liệu; phụ gia			
5	Nguồn nước sản xuất, vệ sinh			
6	Hệ thống chiếu sáng			
7	Hệ thống thông gió			
8	Hệ thống cung cấp khí nén			
9	Hệ thống cung cấp hơi nước			
10	Hệ thống thu gom, xử lý rác thải			
11	Hệ thống thoát nước thải			
II. Điều kiện về trang thiết bị dụng cụ				
1	Thiết bị, dụng cụ sản xuất			
2	Thiết bị, dụng cụ bao gói sản phẩm			

3	Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm			
4	Thiết bị bảo quản thực phẩm			
5	Thiết bị khử trùng, thanh trùng			
6	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ			
7	Thiết bị giám sát			
8	Phương tiện rửa và khử trùng tay			
9	Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu			
10	Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại			
11	Trang phục lao động khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm			
III. Điều kiện về con người				
1	Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm.			
2	Giấy xác nhận đủ sức khỏe			
3	Thực hành vệ sinh cá nhân tốt			
Tổng số tiêu chí đánh giá...../tổng sốtiêu chí				
Phân loại	<i>Loại A: khi cơ sở đạt các điều kiện ATTP</i>			
	<i>Loại B: Khi cơ sở còn có từ 60-80% nhóm tiêu chí không đạt và có kiến nghị khắc phục, báo cáo khắc phục có thời hạn.</i>			
	<i>Loại C: Khi cơ sở có các nội dung không đạt và có kiến nghị xử lý vi phạm hành chính về ATTP</i>			

C. Lấy mẫu kiểm nghiệm

Sản phẩm thực phẩm:

Chỉ định chỉ tiêu kiểm nghiệm:.....

(Có biên bản lấy mẫu kiểm nghiệm kèm theo)

D. Tình hình thực hiện các nội dung kiến nghị

- Nội dung kiến nghị của đoàn kiểm tra trước: có [] ; Không []

- Đơn vị kiểm tra:..... Thời gian kiểm tra / /

- Tình hình khắc phục các nội dung tồn tại có kiến nghị:.....

(Phụ lục này không tách rời với biên bản kiểm tra số /BBKT-ATTP ngày .../ /201... của Đoàn kiểm tra theo Quyết định số .../QĐ- ngày .../.../201... của)

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ THỰC PHẨM
ĐƯỢC KIỂM TRA**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐOÀN KIỂM TRA
THÀNH VIÊN TRƯỞNG ĐOÀN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾT QUẢ

Đánh giá điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý

Đối với:.....
(Kèm theo Biên bản số /BBKT-ATTP ngày / /201.....của Đoàn kiểm tra chấp hành pháp luật về ATTP theo Quyết định số/QĐ-ATTP ngày/...../201... của))

A. Hồ sơ hành chính, pháp lý của cơ sở:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Không [], Có [] số:.....
cấp ngày...../...../..... do.....
- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP Không [], Có []
số:..... cấp ngày...../...../..... do.....
- Giấy tờ khác:
- Số người lao động:..... Trong đó: Trực tiếp: Gián tiếp.....
- Giấy xác nhận kiến thức về ATTP: Có, số người/ tổng số:.....
Không, số người/ tổng số:.....
- Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và của người trực tiếp sản xuất, kinh
doanh thực phẩm: Có, số người/ tổng số:...../.....; Không, số người/ tổng số:...../.....;
- Giấy chứng nhận cơ sở đạt ISO, HACCP và tương đương.....

B. Đánh giá điều kiện ATTP:

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Chỉ tiêu đánh giá	Kết quả đánh giá		Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục
			Đạt	Không đạt	
1	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm a; Điều 20, Khoản 1, Điểm a;	Địa điểm sản xuất:			
		- Phù hợp với quy hoạch của địa phương. - Có khoảng cách thích hợp với các nguồn ô nhiễm như khu dân cư, bệnh viện, nghĩa trang, khu công nghiệp... nhằm tránh bị ô nhiễm cho sản phẩm;...			
2	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm a; Điều 25, Khoản 2;	Kết cấu nhà xưởng, bố trí sản xuất:			
		- Đủ diện tích, để làm vệ sinh, không gây ô nhiễm cho sản phẩm. - Không có hiện tượng ngưng tụ hơi nước.			
		- Các công đoạn sơ chế, chế biến được bố trí theo nguyên tắc 1 chiều, tránh gây ô nhiễm chéo...			
3	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm c;	Trang thiết bị sản xuất:			
		- Phù hợp để sơ chế, chế biến, đóng gói, bảo quản, vận chuyển sản phẩm. - Trang thiết bị trực tiếp tiếp xúc với sản phẩm: không thấm nước, không gây độc cho sản phẩm, để làm vệ sinh...			
4	Luật	Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị			

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Chỉ tiêu đánh giá	Kết quả đánh giá		Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục
			Đạt	Không đạt	
	ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm c, đ;	- Sử dụng chất tẩy rửa nằm trong danh mục được phép sử dụng. - Dụng cụ làm vệ sinh, bảo trì, bảo dưỡng, có quy trình và thực hiện đúng quy trình vệ sinh nhà xưởng.			
5	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm e;	Người trực tiếp sản xuất, vệ sinh công nhân:			
		- Người trực tiếp sản xuất được khám sức khỏe định kỳ.			
		- Có giấy xác nhận kiến thức về ATTP.			
		- Có khu vực thay bảo hộ lao động.			
		- Có đủ nhà vệ sinh ở vị trí thích hợp.			
		- Đủ trang thiết bị làm vệ sinh công nhân.			
		- Có quy định và thực hiện đúng quy định vệ sinh công nhân...			
6	Luật ATTP: Điều 10, Khoản 1; Khoản 2, Điểm a; Điều 19, Khoản 1, Điểm b;	Nguyên liệu và các yếu tố đầu vào sản xuất thực phẩm:			
		- Nước, nước đá đáp ứng quy định về nước ăn uống.			
		- Phụ gia, chất bảo quản, chất hỗ trợ chế biến trong danh mục được phép sử dụng, bảo quản và sử dụng theo đúng quy định.			
		- Nguyên liệu đáp ứng yêu cầu để sản xuất thực phẩm...			
7	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm c; Điều 20, Khoản 1, Điểm b;	Phòng, chống động vật gây hại và xử lý chất thải, nước thải			
		- Có trang thiết bị và thực hiện phòng chống động vật gây hại.			
		- Có biện pháp xử lý nước thải, nước thải đáp ứng quy định trước khi xả ra môi trường.			
		- Có dụng cụ/ biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn...			
8	Luật ATTP: Điều 18; Điều 10, Khoản 2, Điểm b,c	Bao gói, ghi nhãn, bảo quản, vận chuyển			
		- Vật liệu bao gói không gây ô nhiễm cho sản phẩm.			
		- Ghi nhãn đầy đủ thông tin, đúng quy định.			

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Chỉ tiêu đánh giá	Kết quả đánh giá		Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục
			Đạt	Không đạt	
	Điều 19, Khoản 1, Điểm c, đ Điều 20, Khoản 1, Điểm a, c;	- Có nơi bảo quản, phương tiện bảo quản, vận chuyển phù hợp với từng loại sản phẩm, được sắp xếp hợp lý và vệ sinh sạch sẽ; ...			
9	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm đ;	Điều kiện bảo đảm ATTP và QLCL			
		- Duy trì điều kiện bảo đảm ATTP. - Có quy định và thực hiện thực hành sản xuất tốt, thực hành vệ sinh tốt.			
10	Luật ATTP: Điều 11, Khoản 2; Điều 19, Khoản 1, Điểm đ;	Ghi chép và truy xuất nguồn gốc			
		- Ghi chép việc tiếp nhận và sử dụng nguyên liệu, vật tư đầu vào của quá trình sản xuất.			
		- Biện pháp khắc phục các sai lỗi. - Các ghi chép nhằm truy xuất nguồn gốc sản phẩm...			
T. số nhóm chỉ tiêu được đánh giá:...../10 tiêu chí					
Phân loại	+ cơ sở đạt loại A	- Có trên 80% tiêu chí đạt			
	+ Cơ sở đạt loại B	Có trên 60-80% nhóm tiêu chí đạt có nội dung kiến nghị			
	+ Cơ sở đạt loại C	Có dưới 60% tiêu chí không đạt; có kiến nghị xử phạt vi phạm hành chính			

* Ngoài các quy định trong Luật An toàn thực phẩm cần tham chiếu quy định trong quy chuẩn kỹ thuật tương ứng đối với sản phẩm cụ thể để kiểm tra, đánh giá.

B. Lấy mẫu kiểm nghiệm

Sản phẩm thực phẩm/lấy mẫu thức ăn:.....

Chỉ định chỉ tiêu kiểm nghiệm:.....

(Có biên bản lấy mẫu kiểm nghiệm kèm theo)

C. Tình hình thực hiện các nội dung kiến nghị

- Nội dung kiến nghị của đoàn kiểm tra trước: có []; Không []

- Đơn vị kiểm tra:..... Thời gian kiểm tra / /

- Tình hình khắc phục các nội dung tồn tại có kiến nghị:.....

(Phụ lục này không tách rời với biên bản kiểm tra số /BBKT-ATTP ngày .../ /201... của Đoàn kiểm tra theo Quyết định số .../QĐ- ngày .../.../201... của

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ THỰC PHẨM
ĐƯỢC KIỂM TRA**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐOÀN KIỂM TRA
THÀNH VIÊN TRƯỞNG ĐOÀN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾT QUẢ

Đánh giá điều kiện ATTP đối với cơ sở kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản (bao gồm rau, củ quả và các sản phẩm chế biến nông, lâm sản; thủy sản và các sản phẩm chế biến từ thủy sản) thuộc ngành NN&PTNT quản lý
(Kèm theo Biên bản số /BBKT-ATTP ngày / /201.....của Đoàn kiểm tra chấp hành pháp luật về ATTP theo Quyết định số/QĐ-ATTP ngày/...../201... của

A. Hồ sơ hành chính, pháp lý của cơ sở:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Không [], Có [] số:.....
cấp ngày...../...../..... do.....
- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP Không [], Có []
số:..... cấp ngày...../...../..... do.....
- Giấy tờ khác:
- Số người lao động:..... Trong đó: Trực tiếp: Gián tiếp.....
- Giấy xác nhận kiến thức về ATTP: Có, số người/ tổng số:.....
Không, số người/ tổng số:.....
- Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm: Có, số người/ tổng số:...../.....; Không, số người/ tổng số:...../.....;
- Giấy chứng nhận cơ sở đạt ISO, HACCP và tương đương.....

B. Đánh giá điều kiện ATTP

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu đánh giá	Kết quả đánh giá		Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục
			Đạt	Không đạt	
1	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm a;	Địa điểm kinh doanh			
		- Phù hợp; đủ diện tích để bày bán thực phẩm, khu vực chứa đựng, bảo quản.			
		- Không bị ngập nước hoặc bị ảnh hưởng bởi động vật, côn trùng.			
2	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm đ; Điều 24, Khoản 1, Điểm b: Điều 27, Khoản 1, Điểm c;	Kết cấu, bố trí cơ sở kinh doanh			
		- Nền, tường, trần, cửa...phù hợp, dễ làm vệ sinh...			
		- Bố trí các khu vực kinh doanh (đủ diện tích, dễ làm vệ sinh.			
		- Tách riêng khu vực kinh doanh đồ tươi sống với đồ chín hoặc đã qua chế biến, khu vực kinh doanh các loại sản phẩm khác nhau...			
		Trang thiết bị, dụng cụ phục vụ kinh doanh			

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu đánh giá	Kết quả đánh giá		Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục
			Đạt	Không đạt	
3	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm c; Điều 24, Khoản 1; Điều 27, Khoản 1, Điểm b;	- Phù hợp để bày bán, sơ chế hàng hóa.			
		- Vật dụng trực tiếp tiếp xúc với sản phẩm: không thấm nước, không gây độc cho sản phẩm, dễ làm vệ sinh.			
4	Luật ATTP: Điều 10, Khoản 1; Điều 11; Điều 12, Khoản 2, 3;	Thực phẩm kinh doanh tại cơ sở			
		- Có hóa đơn hoặc ghi chép về việc mua/bán hàng đảm bảo truy xuất được nguồn gốc thực phẩm.			
		- Thực phẩm tươi sống có nguồn gốc động vật phải có chứng nhận vệ sinh thú y.			
		- Thực phẩm bao gói sẵn phải có nhãn hàng hóa với đầy đủ thông tin theo quy định.			
5	Luật ATTP: Điều 10, Khoản 2, Điểm a,c; Điều 19, Khoản 1, Điểm b;	Các yếu tố đầu vào phục vụ SXKD thực phẩm			
		- Nước, nước đá đáp ứng quy định về nước ăn uống.			
		- Phụ gia, chất bảo quản trong danh mục được phép sử dụng, bảo quản và sử dụng theo đúng quy định.			
6	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm c; Điều 20, Khoản 1, Điểm b;	Phòng, chống động vật gây hại và xử lý chất thải, nước thải			
		- Có biện pháp phòng chống động vật gây hại.			
		- Có biện pháp xử lý nước thải, nước thải đáp ứng quy định trước khi xả ra môi trường.			
		- Có dụng cụ/ biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn.			
7	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm e;	Người trực tiếp bán hàng			
		- Đảm bảo sức khỏe để KD.			
		- Được cấp giấy xác nhận kiến thức ATTP.			

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu đánh giá	Kết quả đánh giá		Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục
			Đạt	Không đạt	
8	Luật ATTP: Điều 18, Khoản 1,2; Điều 10, Khoản 2, Điểm b, c; Điều 19, Khoản 1, Điểm c, đ; Điều 20, Khoản 1; Điều 21;	Bao gói, bảo quản, vận chuyển			
		- Vật liệu bao gói, chứa đựng không gây ô nhiễm cho sản phẩm.			
		- Có nơi bảo quản, phương tiện bảo quản, vận chuyển phù hợp với từng loại sản phẩm, được sắp xếp hợp lý và vệ sinh sạch sẽ.			
Tổng số tiêu chí đánh giá: /8 nhóm chỉ tiêu					
Phân loại:	- Loại A khi đạt đạt trên 80% các chỉ tiêu đánh giá và không có nhắc nhở				
	- Loại B khi đạt 60- 80% tiêu chí đánh giá; có nhắc nhở và kiến nghị khắc phục				
	- Loại C khi không đạt, có xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan chức				

(Đối với các tiêu chí không đánh giá ghi rõ lý do và cột diễn giải)

II. Lấy mẫu kiểm nghiệm và chỉ định phân tích

Sản phẩm thực phẩm lấy mẫu:.....

Chỉ định chỉ tiêu kiểm nghiệm:.....

(Có biên bản lấy mẫu kiểm nghiệm kèm theo)

III. Tình hình thực hiện các nội dung kiến nghị

- Nội dung kiến nghị của đoàn kiểm tra trước: có [] ; Không []
- Đơn vị kiểm tra:..... Thời gian kiểm tra / /
- Tình hình khắc phục các nội dung tồn tại có kiến nghị:.....

(Phụ lục này không tách rời với biên bản kiểm tra số /BBKT-ATTP ngày .../ /201... của Đoàn kiểm tra theo Quyết định số .../QĐ- ngày .../.../201... của Chủ tịch.....)

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ THỰC PHẨM
ĐƯỢC KIỂM TRA**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐOÀN KIỂM TRA
THÀNH VIÊN TRƯỞNG ĐOÀN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾT QUẢ

Đánh giá điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất ban đầu sản phẩm có nguồn gốc động vật (bao gồm cá, thủy sản) thuộc ngành NN&PTNT quản lý
(Kèm theo Biên bản số /BBKT-ATTP ngày / /201.... của Đoàn kiểm tra chấp hành pháp luật về ATTP theo Quyết định số/QĐ-ATTP ngày/...../201... của

A. Hồ sơ hành chính, pháp lý của cơ sở:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Không [], Có [] số:.....
cấp ngày...../...../..... do.....
- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP Không [], Có []
số:..... cấp ngày...../...../..... do.....
- Giấy tờ khác:
- Số người lao động:..... Trong đó: Trực tiếp: Gián tiếp.....
- Giấy xác nhận kiến thức về ATTP: Có, số người/ tổng số:.....
Không, số người/ tổng số:.....
- Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm: Có, số người/ tổng số:...../.....; Không, số người/ tổng số:...../.....;
- Giấy chứng nhận cơ sở đạt ISO, HACCP và tương đương.....

1. B. Đánh giá điều kiện ATTP: Đối với mặt hàng sản xuất (chăn nuôi, đánh bắt...):

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu đánh giá	Kết quả đánh giá		Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục
			Đạt	Không đạt	
1	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm a; Điều 23, Khoản 1, Điểm a;	Địa điểm sản xuất (phù hợp với quy hoạch của địa phương; có khoảng cách thích hợp với các nguồn ô nhiễm như khu dân cư, bệnh viện, các lò giết mổ tập trung, nghĩa trang, khu công nghiệp... tránh gây ô nhiễm cho người...)			
2	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm a;	Kết cấu, bố trí trại nuôi (đủ diện tích; kết cấu hợp lý; dễ làm vệ sinh; các khu vực nuôi khác nhau có tường rào ngăn cách; có hệ thống vệ sinh sát trùng...).			
3	Luật ATTP: Điều 23, Khoản 1, Điểm b;	Con giống (có nguồn gốc rõ ràng, chất lượng bảo đảm; tuân thủ đúng quy trình nhập đàn: nuôi cách ly, tiêm phòng, sát trùng chuồng trại, ao nuôi, lồng bè...)			
4	Luật ATTP: Điều 23, Khoản 1,	Thức ăn (thức ăn có trong danh mục được phép sử dụng; việc trộn thức ăn, sử dụng thức ăn theo đúng			

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu đánh giá	Kết quả đánh giá		Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục
			Đạt	Không đạt	
	Điểm b;	quy định, phù hợp giai đoạn chăn nuôi; kho chứa, bảo quản đúng cách...)			
5	Luật ATTP: Điều 23, Khoản 1, Điểm b;	Thuốc thú y, chất kích thích tăng trưởng, tăng trọng, sinh trưởng... (có trong danh mục được phép sử dụng; sử dụng đúng quy định; bảo quản đúng cách; tuân thủ thời gian ngừng sử dụng thuốc theo hướng dẫn của nhà sản xuất...)			
6	Luật ATTP: Điều 11, Khoản 3; Điều 23, Khoản 1, Điểm b,c;	Vật nuôi (tuân thủ quy định về kiểm dịch, có chứng nhận vệ sinh thú y; tiêm phòng; phòng chống dịch bệnh; cách ly khi vật nuôi có dấu hiệu bị bệnh; xuất bán)			
7	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm c,d; Điều 23, Khoản 1, Điểm d,đ;	Phòng, chống động vật gây hại; vệ sinh chuồng trại và xử lý chất thải, nước thải (có trang thiết bị và thực hiện phòng chống động vật gây hại; có biện pháp vệ sinh chăn nuôi, sát trùng chuồng trại; sử dụng chất tẩy rửa, khử trùng nằm trong danh mục được phép sử dụng; có biện pháp xử lý nước thải, nước thải đáp ứng quy định trước khi xả ra môi trường; có dụng cụ/ biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn...)			
8	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm c;	Nước uống, nước cấp, thiết bị chăn nuôi (nước uống cho vật nuôi đáp ứng quy định QCVN 01-39:2011/BNNPTNT; hệ thống nước cấp cho ao nuôi phù hợp; hệ thống xử lý nước đối với ao nuôi tôm phù hợp; thiết bị phù hợp, không gỉ sét; không gây độc cho vật nuôi; dễ			

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu đánh giá	Kết quả đánh giá		Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục
			Đạt	Không đạt	
		làm vệ sinh...)			
9	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm e.	Người trực tiếp sản xuất, vệ sinh công nhân (người trực tiếp sản xuất bảo đảm sức khỏe để sản xuất; được cấp giấy xác nhận kiến thức ATTP theo quy định; được trang bị bảo hộ lao động; có trang thiết bị vệ sinh công nhân; nhà vệ sinh bố trí hợp lý ...)			
10	Luật ATTP: Điều 11, Khoản 2 Điều 19, Khoản 1, Điểm đ; Điều 23, Khoản 1, Điểm e.	Ghi chép, truy xuất nguồn gốc (có quy định về vệ sinh chuồng trại, ao nuôi, lồng bè...; có ghi chép việc sử dụng thuốc hóa chất, thuốc thú y, thức ăn, thời gian xuất chuồng...)			

Tổng số nhóm chỉ tiêu được đánh giá: /10 nhóm chỉ tiêu

Phân loại:	- Loại A khi đạt đạt trên 80% các chỉ tiêu đánh giá và không có nhắc nhở			
	- Loại B khi đạt 60- 80% tiêu chí đánh giá; có nhắc nhở và kiến nghị khắc phục			
	- Loại C khi không đạt, có xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan chức			

(Đối với các tiêu chí không đánh giá ghi rõ lý do và cột diễn giải)

C. Lấy mẫu kiểm nghiệm và chỉ định phân tích

Sản phẩm thực phẩm lấy mẫu:.....

Chỉ định chỉ tiêu kiểm nghiệm:.....

(Có biên bản lấy mẫu kiểm nghiệm kèm theo)

D. Tình hình thực hiện các nội dung kiến nghị

- Nội dung kiến nghị của đoàn kiểm tra trước: có []; Không []

- Đơn vị kiểm tra:..... Thời gian kiểm tra / /

- Tình hình khắc phục các nội dung tồn tại có kiến nghị:.....

(Phụ lục này không tách rời với biên bản kiểm tra số /BBKT-ATTP ngày .../201... của Đoàn kiểm tra theo Quyết định số .../QĐ- ngày .../.../201... của Chủ tịch.....)

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ THỰC PHẨM
ĐƯỢC KIỂM TRA**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐOÀN KIỂM TRA
THÀNH VIÊN**
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG ĐOÀN
(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾT QUẢ

**Đánh giá điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất ban đầu
sản phẩm có nguồn gốc thực vật thuộc ngành NN&PTNT quản lý**
(Kèm theo Biên bản số /BBKT-ATTP ngày / /201.....của Đoàn kiểm tra chấp hành
pháp luật về ATTP theo Quyết định số/QĐ-ATTP ngày/.../201... của

A. Hồ sơ hành chính, pháp lý của cơ sở:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Không [], Có [] số:.....
cấp ngày...../...../..... do.....
- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP Không [], Có []
số:..... cấp ngày...../...../..... do.....
- Giấy tờ khác:
- Số người lao động:..... Trong đó: Trực tiếp: Gián tiếp.....
- Giấy xác nhận kiến thức về ATTP: Có, số người/ tổng số:.....
Không, số người/ tổng số:.....
- Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và của người trực tiếp sản xuất, kinh
doanh thực phẩm: Có, số người/ tổng số:...../.....; Không, số người/ tổng số:...../.....;
- Giấy chứng nhận cơ sở đạt ISO, HACCP và tương đương.....

2. B. Đánh giá điều kiện ATTP: Đối với mặt hàng sản xuất (trồng trọt, thu hái...):

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu đánh giá	Kết quả đánh giá		Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục
			Đạt	Không đạt	
1	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm a; Điều 23, Khoản 1, Điểm a;	Địa điểm sản xuất (phù hợp với quy hoạch của địa phương; có khoảng cách thích hợp với các nguồn ô nhiễm như khu dân cư, bệnh viện, các lò giết mổ tập trung, nghĩa trang, khu công nghiệp... nhằm tránh bị ô nhiễm cho sản phẩm;...)			
2	Luật ATTP: Điều 23, Khoản 1, Điểm a;	Đất trồng và giá thể (có kết quả kiểm nghiệm hóa học, sinh học đạt yêu cầu; không chăn thả vật nuôi...)			
3	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm b; Điều 23, Khoản 1, Điểm a;	Nước tưới (đáp ứng quy định về nước tưới tiêu; trong sản xuất rau mầm phải đạt tiêu chuẩn nước sinh hoạt)			
4	Luật ATTP:	Cây giống (trong danh mục được phép sử dụng trong			

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu đánh giá	Kết quả đánh giá		Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục
			Đạt	Không đạt	
	Điều 23, Khoản 1, Điểm b;	SXKD nông nghiệp tại VN; giống cây không có khả năng chứa độc tố...)			
5	Luật ATTP: Điều 23, Khoản 1, Điểm b;	Phân bón (có trong danh mục được phép sử dụng; phân chuồng được xử lý (ủ) trước khi sử dụng; bảo quản phân bón, phối trộn, sử dụng phân bón không gây ô nhiễm cho sản phẩm...)			
6	Luật ATTP: Điều 23, Khoản 1, Điểm b;	Thuốc bảo vệ thực vật (có trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh, sử dụng 4 đúng...; lưu giữ, bảo quản thuốc BVTV, hoá chất đảm bảo an toàn cho người sử dụng và sản phẩm...)			
7	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm d; Điều 23, Khoản 1, Điểm d;	Thu gom, xử lý bao bì thuốc BVTV, chất thải, nước thải (Có biện pháp thu gom, xử lý đối với bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng; biện pháp xử lý chất thải, nước thải không gây ô nhiễm cho sản phẩm và môi trường...)			
8	Luật ATTP: Điều 18; Điều 19, Khoản 1, Điểm b,c; Điều 23, Khoản 1, Điểm e;	Thu gom, sơ chế (nước dùng cho thu gom, sơ chế đáp ứng quy định về nước sinh hoạt; vật liệu bao gói không gây ô nhiễm cho sản phẩm; tuân thủ quy định về vệ sinh công nhân, vệ sinh nhà xưởng trang thiết bị - nếu có cơ sở sơ chế gắn liền; ...)			
9	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm e; Điều 23, Khoản 1, Điểm e;	Người trực tiếp sản xuất, vệ sinh công nhân (người trực tiếp sản xuất đảm bảo sức khỏe để sản xuất; được cấp giấy xác nhận kiến thức ATTP; có trang thiết bị vệ sinh công nhân; nhà vệ sinh bố trí hợp lý ...)			

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu đánh giá	Kết quả đánh giá		Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục
			Đạt	Không đạt	
10	Luật ATTP: Điều 11, Khoản 2; Điều 19, Khoản 1, Điểm đ; Điều 23, Khoản 1, Điểm e;	Ghi chép, truy xuất nguồn gốc (có ghi chép việc sử dụng thuốc BVTV, phân bón, thời gian thu hoạch và nơi tiêu thụ sản phẩm...)			
Tổng số nhóm chỉ tiêu được đánh giá: /10 nhóm chỉ tiêu					
Phân loại:	- Loại A khi đạt đạt trên 80% các chỉ tiêu đánh giá và không có nhắc nhở				
	- Loại B khi đạt 60- 80% tiêu chí đánh giá; có nhắc nhở và kiến nghị khắc phục				
	- Loại C khi không đạt, có xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan chức				

(Đối với các tiêu chí không đánh giá ghi rõ lý do và cột diễn giải)

C. Lấy mẫu kiểm nghiệm và chỉ định phân tích

Sản phẩm thực phẩm lấy mẫu:.....

Chỉ định chỉ tiêu kiểm nghiệm:.....

(Có biên bản lấy mẫu kiểm nghiệm kèm theo)

D. Tình hình thực hiện các nội dung kiến nghị

- Nội dung kiến nghị của đoàn kiểm tra trước: có []; Không []
- Đơn vị kiểm tra:..... Thời gian kiểm tra / /
- Tình hình khắc phục các nội dung tồn tại có kiến nghị:.....

(Phụ lục này không tách rời với biên bản kiểm tra số /BBKT-ATTP ngày .../ /201... của Đoàn kiểm tra theo Quyết định số .../QĐ- ngày .../.../201... của Chủ tịch.....)

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ THỰC PHẨM

ĐƯỢC KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐOÀN KIỂM TRA

THÀNH VIÊN

(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG ĐOÀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾT QUẢ

Đánh giá điều kiện ATTP đối với cơ sở thu gom, sơ chế, giết mổ, chế biến nông lâm thủy sản thuộc ngành NN&PTNT quản lý
(Kèm theo Biên bản số /BBKT-ATTP ngày / /201.....của Đoàn kiểm tra chấp hành pháp luật về ATTP theo Quyết định số/QĐ-ATTP ngày/.../201... của)

A. Hồ sơ hành chính, pháp lý của cơ sở:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Không [], Có [] số:.....
cấp ngày...../...../..... do.....
- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP Không [], Có [] số:..... cấp ngày...../...../..... do.....
- Giấy tờ khác:
- Số người lao động:..... Trong đó: Trực tiếp: Gián tiếp.....
- Giấy xác nhận kiến thức về ATTP: Có, số người/ tổng số:.....
Không, số người/ tổng số:.....
- Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm: Có, số người/ tổng số:...../.....; Không, số người/ tổng số:...../.....;
- Giấy chứng nhận cơ sở đạt ISO, HACCP và tương đương.....

3. B. Đánh giá điều kiện ATTP: Đối với mặt hàng thu gom, sơ chế, giết mổ, chế biến:

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu đánh giá	Kết quả đánh giá		Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục
			Đạt	Không đạt	
1	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm a; Điều 20, Khoản 1, Điểm a;	Địa điểm sản xuất (phù hợp với quy hoạch của địa phương; có khoảng cách thích hợp với các nguồn ô nhiễm như khu dân cư, bệnh viện, nghĩa trang, khu công nghiệp... nhằm tránh bị ô nhiễm cho sản phẩm;...)			
2	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm a; Điều 25, Khoản 2;	Kết cấu nhà xưởng, bố trí sản xuất (đủ diện tích, để làm vệ sinh, không gây ô nhiễm cho sản phẩm; không có hiện tượng ngưng tụ hơi nước; các công đoạn sơ chế, chế biến được bố trí theo nguyên tắc 1 chiều, tránh gây ô nhiễm chéo...)			
3	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm	Trang thiết bị sản xuất (phù hợp để sơ chế, chế biến, đóng gói, bảo quản, vận chuyển sản phẩm; trang thiết bị trực tiếp tiếp xúc với sản phẩm: không			

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu đánh giá	Kết quả đánh giá		Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục
			Đạt	Không đạt	
	c;	thấm nước, không gây độc cho sản phẩm, để làm vệ sinh...).			
4	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm c, đ;	Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị (sử dụng chất tẩy rửa nằm trong danh mục được phép sử dụng; dụng cụ làm vệ sinh, bảo trì, bảo dưỡng, có quy trình và thực hiện đúng quy trình vệ sinh nhà xưởng...)			
5	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm e;	Người trực tiếp sản xuất, vệ sinh công nhân (người trực tiếp sản xuất được khám sức khỏe định kỳ; được cấp giấy xác nhận kiến thức về ATTP; có khu vực thay bảo hộ lao động; có đủ nhà vệ sinh ở vị trí thích hợp; đủ trang thiết bị làm vệ sinh công nhân; có quy định và thực hiện đúng quy định vệ sinh công nhân...)			
6	Luật ATTP: Điều 10, Khoản 1; Khoản 2, Điểm a; Điều 19, Khoản 1, Điểm b;	Nguyên liệu và các yếu tố đầu vào sản xuất thực phẩm (nước, nước đá đáp ứng quy định về nước ăn uống; phụ gia, chất bảo quản, chất hỗ trợ chế biến trong danh mục được phép sử dụng, bảo quản và sử dụng theo đúng quy định; nguyên liệu đáp ứng yêu cầu để sản xuất thực phẩm...)			
7	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm c; Điều 20, Khoản 1, Điểm b;	Phòng, chống động vật gây hại và xử lý chất thải, nước thải (có trang thiết bị và thực hiện phòng chống động vật gây hại; có biện pháp xử lý nước thải, nước thải đáp ứng quy định trước khi xả ra môi trường; có dụng cụ/ biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn...)			
8	Luật	Bao gói, ghi nhãn, bảo quản,			

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu đánh giá	Kết quả đánh giá		Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục
			Đạt	Không đạt	
8	Luật ATTP: Điều 18; Điều 10, Khoản 2, Điểm b,c Điều 19, Khoản 1, Điểm c,đ Điều 20, Khoản 1, Điểm a,c;	Bao gói, ghi nhãn, bảo quản, vận chuyển (vật liệu bao gói không gây ô nhiễm cho sản phẩm; Ghi nhãn đầy đủ thông tin, đúng quy định; có nơi bảo quản, phương tiện bảo quản, vận chuyển phù hợp với từng loại sản phẩm, được sắp xếp hợp lý và vệ sinh sạch sẽ; ...)			
9	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm đ;	Điều kiện bảo đảm ATTP và QLCL (duy trì điều kiện bảo đảm ATTP; có quy định và thực hiện thực hành sản xuất tốt (GMP), thực hành vệ sinh tốt (SOP); khuyến khích cơ sở áp dụng các chương trình QLCL tiên tiến theo HACCP, ISO 22000...)			
10	Luật ATTP: Điều 11, Khoản 2; Điều 19, Khoản 1, Điểm đ;	Ghi chép và truy xuất nguồn gốc (ghi chép việc tiếp nhận và sử dụng nguyên liệu, vật tư đầu vào của quá trình sản xuất; việc ghi chép các biểu giám sát thực hiện GMP, SOP; biện pháp khắc phục các sai lỗi; các ghi chép nhằm truy xuất nguồn gốc sản phẩm...)			
Tổng số nhóm chỉ tiêu được đánh giá: /10 nhóm chỉ tiêu					
Phân loại:	<i>- Loại A khi đạt trên 80% các chỉ tiêu đánh giá và không có nhắc nhở</i>				
	<i>- Loại B khi đạt 60- 80% tiêu chí đánh giá; có nhắc nhở và kiến nghị khắc phục</i>				
	<i>- Loại C khi không đạt, có xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan chức năng</i>				

(Đối với các tiêu chí không đánh giá ghi rõ lý do và cột diễn giải)

C. Lấy mẫu kiểm nghiệm và chỉ định phân tích

Sản phẩm thực phẩm lấy mẫu:.....

.....

Chỉ định chỉ tiêu kiểm nghiệm:.....

.....
.....
(Có biên bản lấy mẫu kiểm nghiệm kèm theo)

D. Tình hình thực hiện các nội dung kiến nghị

- Nội dung kiến nghị của đoàn kiểm tra trước: có [] ; Không []
 - Đơn vị kiểm tra:..... Thời gian kiểm tra / /
 - Tình hình khắc phục các nội dung tồn tại có kiến nghị:.....
-

.....
(Phụ lục này không tách rời với biên bản kiểm tra số /BBKT-ATTP ngày .../ /201... của Đoàn kiểm tra theo Quyết định số .../QĐ- ngày .../.../201... của Chủ tịch.....)

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ THỰC PHẨM
ĐƯỢC KIỂM TRA**
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐOÀN KIỂM TRA
THÀNH VIÊN **TRƯỞNG ĐOÀN**
(Ký, ghi rõ họ tên) *(Ký, ghi rõ họ tên)*

Biểu mẫu số 06

.....
ĐOÀN KIỂM TRA
(Theo QĐ số/QĐ-ATTP
ngày/...../201...)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BB-VPHC , ngày tháng năm 201...

BIÊN BẢN
Vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm

Căn cứ Biên bản kiểm tra an toàn thực phẩm tại cơ sở
..... số:/BB-ATTP ngày / /201
Hôm nay, hồi giờ ngày tháng năm 201... tại

Chúng tôi gồm:

1. Ông (bà)..... Chức vụ:.....
2. Ông (bà)..... Chức vụ:.....
3. Ông (bà)..... Chức vụ:.....
4. Ông (bà)..... Chức vụ:.....
5. Ông (bà)..... Chức vụ:.....

Với sự chứng kiến của:

1. Nghề nghiệp:.....
Địa chỉ thường trú:
Giấy CMND số:.....Ngày cấp:...../...../.....; Nơi cấp:.....
2. Nghề nghiệp:.....
Địa chỉ thường trú:
Giấy CMND số:Ngày cấp:...../...../.....;
Nơi cấp:.....

Tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính

Ông (bà)/tổ chức:.....
.....
Sinh ngày tháng năm sinh Quốc tịch:
Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):
Địa chỉ:.....
Giấy CMND/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số:.....
Cấp ngày tại
Đã có các hành vi vi phạm hành chính như sau:.....

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Các hành vi trên đã vi phạm vào điểm.....
khoản..... Điều Nghị định số 178/2013/NĐ-CP
ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính về an
toàn thực phẩm; và những vi phạm vào điều khoản điểm
..... của Nghị định số...../NĐ-CP ngày tháng năm của
Chính phủ quy định về xử phạt hành chính về

Cá nhân/tổ chức bị thiệt hại (nếu có):

Ông (bà)/tổ chức:.....

Địa chỉ:.....

Giấy CMND/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số:.....

Cấp ngày tại

Ý kiến trình bày của cá nhân/đại diện tổ chức vi phạm:

.....
.....

Ý kiến trình bày của người chứng kiến:

Ý kiến trình bày của cá nhân/tổ chức bị thiệt hại (nếu có):

Chúng tôi đã yêu cầu ông (bà)/tổ chức vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm.
Các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm xử lý vi phạm được
áp dụng gồm:.....
.....
.....
.....

Chúng tôi tạm giữ những tang vật, phương tiện, vi phạm hành chính và giấy tờ sau để chuyển về:..... cấp có thẩm quyền giải quyết.

STT	Tên tang vật, phương tiện, giấy tờ bị tạm giữ	Số lượng	Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ, tình trạng	Ghi chú

Ngoài những tang vật, phương tiện, giấy tờ nêu trên, chúng tôi không tạm giữ thêm thứ gì khác.

Yêu cầu ông (bà) đại diện tổ chức vi phạm có mặt tại lúc giờ ngày tháng năm 201... để giải quyết vụ vi phạm nêu trên.

Biên bản lập xong hồi giờ ngày tháng năm 201..., gồm 03 trang, được lập thành 02 bản có nội dung và giá trị như nhau; đã đọc lại cho những người có tên trên cùng nghe, công nhận là đúng và cùng ký tên vào từng trang biên bản và được giao cho người vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm 01 bản, 01 bản gửi báo cáo người có thẩm quyền xử phạt,

Lý do người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không ký biên bản:

.....

Lý do người bị thiệt hại, đại diện tổ chức bị thiệt hại không ký biên bản:

.....

Cá nhân /Tổ chức vi phạm gửi văn bản yêu cầu được giải trình đến ông/bà trước ngày tháng ... năm 201... để thực hiện quyền giải trình.

NGƯỜI VI PHẠM
(HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC VI PHẠM)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

NGƯỜI BỊ THIẾT HẠI
(HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC BỊ THIẾT HẠI)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN CƠ SỞ

(Ký, ghi rõ họ tên)

THỐNG KÊ DANH SÁCH CƠ SỞ THỰC PHẨM THUỘC NGÀNH NN&PTNT QUẢN LÝ

(Tính đến tháng 10 hằng năm)

TT	Tên cơ sở thực phẩm (hoặc tên chủ hộ/người đại diện theo pháp luật) (1)	Địa chỉ (Thôn, số nhà, khu phố...) (2)	Cà phê		Ca cao		Hạt tiêu		Điều		Thực phẩm biến đổi gen		Nông sản thực phẩm khác		Nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến hàng nông, lâm, thủy sản		Dụng cụ, bao bì chứa đựng thực phẩm		Giấy chứng nhận kinh doanh			T.số người trực tiếp sản xuất thực phẩm phải quản lý (3)		Kết quả xếp loại A, B, C (tại thời điểm thống kê) (4)						
			Sản xuất	Kinh doanh	Sản xuất	Kinh doanh	Sản xuất	Kinh doanh	Sản xuất	Kinh doanh	Sản xuất	Kinh doanh	Sản xuất	Kinh doanh	Sản xuất	Kinh doanh	Sản xuất	Kinh doanh	Tỉnh cấp	Huyện cấp	Không có	Sản xuất	Kinh doanh	A	B	C				
I	Cơ sở thực phẩm do tuyến tỉnh quản lý																													
1																														
2																														
II	Cơ sở thực phẩm do tuyến huyện/thành phố quản lý																													
1																														
2																														
III	Cơ sở thực phẩm do tuyến xã, phường, thị trấn quản lý																													
1																														
2																														
	Cộng																													

Ghi chú:

a) Đánh dấu (X) vào ô tương ứng với cột loại hình cơ sở sản xuất/ kinh doanh thực phẩm; riêng cột 1, 2, 3 phải ghi cụ thể. Nếu cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều mặt hàng thì xác định mặt hàng sản xuất, kinh doanh chính (thực hiện theo nguyên tắc phân công quản lý quy định tại Điều 3, Thông tư 13) và đánh dấu vào ô tương ứng để bảo đảm đúng với số lượng cơ sở thực phẩm hiện có.

b) Phân cấp quản lý cơ sở thực phẩm: Theo Quyết định số 85/2016/QĐ-UBND ngày 29/01/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang

c) Cột số (4) - Đánh giá, phân loại theo quy định của Bộ NN&PTNT

THỐNG KÊ DANH SÁCH CƠ SỞ THỰC PHẨM THUỘC NGÀNH NN&PTNT QUẢN LÝ

(Tính đến tháng 10 hằng năm)

TT	Tên cơ sở thực phẩm (hoặc tên chủ hộ/người đại diện theo pháp luật) (1)	Địa chỉ (Thôn, số nhà, khu phố...) (2)	Rau, củ, quả và các sản phẩm rau, củ, quả		Trứng và các sản phẩm từ trứng		Sữa tươi nguyên liệu		Mật ong và các sản phẩm từ mật ong		Muối		Gia vị		Đường		Chè		Giấy chứng nhận kinh doanh			T.số người trực tiếp sản xuất thực phẩm phải quản lý (3)		Kết quả xếp loại A, B, C (tại thời điểm thống kê) (4)				
			Sản xuất	Kinh doanh	Sản xuất	Kinh doanh	Sản xuất	Kinh doanh	Sản xuất	Kinh doanh	Sản xuất	Kinh doanh	Sản xuất	Kinh doanh	Sản xuất	Kinh doanh	Sản xuất	Kinh doanh	Tỉnh cấp	Huyện cấp	Không có	Sản xuất	Kinh doanh	A	B	C		
I Cơ sở thực phẩm do tuyến tỉnh quản lý																												
1																												
2																												
II Cơ sở thực phẩm do tuyến huyện/thành phố quản lý																												
1																												
2																												
III Cơ sở thực phẩm do tuyến xã, phường, thị trấn quản lý																												
1																												
2																												
Cộng																												

Ghi chú:

- a) Đánh dấu (X) vào ô tương ứng với cột loại hình cơ sở sản xuất/ kinh doanh thực phẩm; **riêng cột 1, 2, 3 phải ghi cụ thể**. Nếu cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều mặt hàng thì xác định mặt hàng sản xuất, kinh doanh chính (theo nguyên tắc phân công quản lý quy định tại Điều 3, Thông tư 13) và đánh dấu vào ô tương ứng để bảo đảm đúng với số lượng cơ sở thực phẩm hiện có.
- b) Phân cấp quản lý cơ sở thực phẩm: Theo Quyết định số 85/2016/QĐ-UBND ngày 29/01/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang
- c) Cột số (4) - Đánh giá, phân loại theo quy định của Bộ NN&PTNT

THỐNG KÊ DANH SÁCH CƠ SỞ THỰC PHẨM THUỘC NGÀNH NN&PTNT QUẢN LÝ
(Tính đến tháng 10 hằng năm)

TT	Tên cơ sở thực phẩm (hoặc tên chủ hộ/người đại diện theo pháp luật) (1)	Địa chỉ (Thôn, số nhà, khu phố...) (2)	Cơ sở xuất khẩu NLTST(*)	Cơ sở nhập khẩu NLTST (*)	Cơ sở thu gom sản phẩm NLTST(*)	Cơ sở sơ chế sản phẩm NLTST(**)	Cơ sở chế biến sản phẩm NLTST(**)	Cơ sở bảo quản sản phẩm NLTST(**)	Cơ sở vận chuyển sản phẩm NLTST(*)	Ngũ cốc		Thịt và các sản phẩm từ thịt		Thủy sản và các sản phẩm thủy sản		Giấy chứng nhận kinh doanh			T.số người trực tiếp sản xuất thực phẩm phải quản lý (3)		Kết quả xếp loại A, B, C (tại thời điểm thống kê) (4)			
										Sản xuất	Kinh doanh	Sản xuất	Kinh doanh	Sản xuất	Kinh doanh	Tỉnh cấp	Huyện cấp	Không có	Sản xuất	Kinh doanh	A	B	C	
I	Cơ sở thực phẩm do tuyến tỉnh quản lý																							
1																								
2																								
II	Cơ sở thực phẩm do tuyến huyện/thành phố quản lý																							
1																								
2																								
III	Cơ sở thực phẩm do tuyến xã, phường, thị trấn quản lý																							
1																								
2																								

Cộng

Ghi chú: NLTST – Nông, lâm, thủy sản

- a) Đánh dấu (X) vào ô tương ứng với cột loại hình cơ sở sản xuất/ kinh doanh thực phẩm; **riêng cột 1, 2, 3 phải ghi cụ thể**. Nếu cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều mặt hàng thì xác định mặt hàng sản xuất, kinh doanh chính (thực hiện theo nguyên tắc phân công quản lý quy định tại Điều 3, Thông tư 13) và đánh dấu vào ô tương ứng để bảo đảm đúng với số lượng cơ sở thực phẩm hiện có.
- b) Phân cấp quản lý cơ sở thực phẩm: Theo Quyết định số 85/2016/QĐ-UBND ngày 29/01/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang
- c) Người trực tiếp tiếp xúc với thực phẩm tại: Cơ sở (**) được tổng hợp là sản xuất thực phẩm; Cơ sở (*) được tổng hợp là kinh doanh thực phẩm.
- d) Cột số (4) - Đánh giá, phân loại theo quy định của Bộ NN&PTNT

THỐNG KÊ DANH SÁCH CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH THỰC PHẨM THUỘC NGÀNH CÔNG THƯƠNG QUẢN LÝ
(Tính đến tháng 10 hằng năm)

TT	Tên cơ sở thực phẩm (hoặc tên chủ hộ/người đại diện theo pháp luật) (1)	Địa chỉ (Thôn, số nhà, khu phố...) (2)	Cơ sở xuất khẩu thực phẩm (*)	Cơ sở nhập khẩu thực phẩm (*)	Cơ sở thu gom thực phẩm (*)	Cơ sở sơ chế thực phẩm (**)	Cơ sở chế biến thực phẩm (**)	Cơ sở bảo quản thực phẩm (**)	Cơ sở vận chuyển thực phẩm (*)	Bia		Rượu		Nước giải khát		Bột và tinh bột		Bánh, mứt, kẹo		Sữa chế biến		Dầu thực vật		Dụng cụ, bao bì chứa đựng thực phẩm		Giấy chứng nhận kinh doanh			T.số người sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải quản lý (3)	Kết quả xếp loại A, B, C (tại thời điểm thống kê) (4)							
										Sản xuất	Kinh doanh	Sản xuất	Kinh doanh	Sản xuất	Kinh doanh	Sản xuất	Kinh doanh	Sản xuất	Kinh doanh	Sản xuất	Kinh doanh	Sản xuất	Kinh doanh	Sản xuất	Kinh doanh	Tỉnh cấp	Huyện cấp	Không có		Sản xuất	Kinh doanh	A	B	C			
I Cơ sở thực phẩm do tuyến tỉnh quản lý																																					
1																																					
2																																					
II Cơ sở thực phẩm do tuyến huyện/ thành phố quản lý																																					
1																																					
2																																					
III Cơ sở thực phẩm do tuyến xã, phường, thị trấn quản lý																																					
1																																					
2																																					
Cộng																																					

Ghi chú:

a) Đánh dấu (X) vào ô tương ứng với cột loại hình cơ sở sản xuất/ kinh doanh thực phẩm; riêng cột 1, 2, 3 phải ghi cụ thể. Nếu cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều mặt hàng thì xác định mặt hàng sản xuất, kinh doanh chính (thực hiện theo nguyên tắc phân công quản lý quy định tại Điều 3, Thông tư 13) và đánh dấu vào ô tương ứng để bảo đảm đúng với số lượng cơ sở thực phẩm hiện có.

b) Phân cấp quản lý cơ sở thực phẩm: Theo Hướng dẫn số 869/SCT-KT ngày 03/11/2015 của Sở Công Thương.

c) Người trực tiếp tiếp xúc với thực phẩm tại: Cơ sở (**) được tổng hợp là sản xuất thực phẩm; Cơ sở (*) được tổng hợp là kinh doanh thực phẩm.

d) Cột số (4) - Đánh giá, phân loại theo hướng dẫn của Sở Công Thương

THỐNG KÊ DANH SÁCH CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH THỰC PHẨM THUỘC NGÀNH Y TẾ QUẢN LÝ
(Tính đến tháng 10 hằng năm)

TT	Tên cơ sở thực phẩm (hoặc tên chủ hộ/người đại diện theo pháp luật) (1)	Địa chỉ (Thôn, số nhà, khu phố...) (2)	Cơ sở xuất khẩu thực phẩm (*)	Cơ sở nhập khẩu thực phẩm (*)	Cơ sở thu gom thực phẩm (*)	Cơ sở sơ chế thực phẩm (**)	Cơ sở chế biến thực phẩm (**)	Cơ sở bảo quản thực phẩm (**)	Cơ sở vận chuyển thực phẩm (*)	Nước uống đóng bình, chai		Nước khoáng thiên nhiên		Nước đá dùng liền (Đá thực phẩm)		Thực phẩm chức năng		Phụ gia thực phẩm		Hương liệu thực phẩm		Các chất hỗ trợ chế biến thực phẩm		Thực phẩm bổ sung; tăng cường vi chất dinh dưỡng		Dụng cụ, bao bì chứa đựng thực phẩm		Giấy chứng nhận kinh doanh			T.số người tiếp xúc với thực phẩm phải quản lý (3)		Kết quả xếp loại A, B, C (tại thời điểm thống kê) (4)				
										Sản xuất	Kinh doanh	Sản xuất	Kinh doanh	Sản xuất	Kinh doanh	Sản xuất	Kinh doanh	Sản xuất	Kinh doanh	Sản xuất	Kinh doanh	Sản xuất	Kinh doanh	Sản xuất	Kinh doanh	Sản xuất	Kinh doanh	Tỉnh cấp	Huyện cấp	Không có	Sản xuất	Kinh doanh	A	B	C		
I	Cơ sở thực phẩm do Chi cục ATVSTP quản lý																																				
1																																					
2																																					
II	Cơ sở thực phẩm do TTYT huyện/ thành phố quản lý																																				
1																																					
2																																					
III	Cơ sở thực phẩm do Trạm Y tế xã, phường, thị trấn quản lý																																				
1																																					
2																																					
	Cộng																																				

Ghi chú:

- a) Đánh dấu (X) vào ô tương ứng với cột loại hình cơ sở sản xuất/ kinh doanh thực phẩm; riêng cột 1, 2, 3 phải ghi cụ thể. Nếu cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều mặt hàng thì xác định mặt hàng sản xuất, kinh doanh chính (thực hiện theo nguyên tắc phân công quản lý quy định tại Điều 3, Thông tư 13) và đánh dấu vào ô tương ứng để bảo đảm đúng với số lượng cơ sở thực phẩm hiện có.
- b) Phân công, phân cấp quản lý cơ sở thực phẩm: Theo Hướng dẫn số 49/SYT-ATTP ngày 14/01/2015 của Sở Y tế Bắc Giang.
- c) Người trực tiếp tiếp xúc với thực phẩm tại: Cơ sở (**) được tổng hợp là sản xuất thực phẩm; Cơ sở (*) được tổng hợp là kinh doanh thực phẩm.
- d) Cột số (4) - Đánh giá, phân loại theo hướng dẫn của Sở Y tế

THỐNG KÊ DANH SÁCH CƠ SỞ KINH DOANH DỊCH VỤ ĂN UỐNG, THỨC ĂN ĐƯỜNG PHỐ
(Kết quả điều tra, thống kê cơ sở thực phẩm tính đến tháng 10 hàng năm)

TT	Tên cơ sở thực phẩm (hoặc tên chủ hộ/người đại diện theo pháp luật) (1)	Địa chỉ (Thôn, số nhà, khu phố...) (2)	Loại hình											Năng lực phục vụ (suất ăn/ngày)			Giấy chứng nhận kinh doanh			T.số người tiếp xúc với thực phẩm phải quản lý (3)	Kết quả xếp loại A, B, C (tại thời điểm thống kê) (4)		
			Cơ sở chế biến suất ăn sẵn	Nhà hàng ăn uống	Bếp ăn tập thể trong trường học	Bếp ăn tập thể trong doanh nghiệp	Bếp ăn tập thể trong các cơ quan	Nhà hàng ăn uống trong khách sạn	cơ sở kinh doanh ăn uống trong khu nghỉ dưỡng	Căng tin kinh doanh ăn uống	Cửa hàng ăn uống (quán ăn...)	Cửa hàng, quầy hàng kinh doanh thức ăn ngay, thực phẩm chín	Thức ăn đường phố	Dưới 50 suất	Từ 50 đến 200 suất	Trên 200 suất	Tỉnh cấp	Huyện cấp	Không có		A	B	C
I Cơ sở thực phẩm do tuyến tỉnh quản lý																							
1																							
2																							
II Cơ sở thực phẩm do TTYT huyện/ thành phố quản lý																							
1																							
2																							
III Cơ sở thực phẩm do tuyến xã, phường, thị trấn quản lý																							
1																							
2																							
Cộng																							

Ghi chú:

- a) Đánh dấu (X) vào ô tương ứng với cột loại hình cơ sở sản xuất/ kinh doanh thực phẩm; riêng cột 1, 2, 3 phải ghi cụ thể. Nếu cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều mặt hàng thì xác định mặt hàng sản xuất, kinh doanh chính (thực hiện theo nguyên tắc phân công quản lý quy định tại Điều 3, Thông tư 13) và đánh dấu vào ô tương ứng để bảo đảm đúng với số lượng cơ sở thực phẩm hiện có.
- b) Phân cấp quản lý điều kiện ATTP: Theo hướng dẫn số 270/SYT-ATTP ngày 12/3/2013 của Sở Y tế Bắc Giang.
- c) Cột số (4) - Đánh giá, phân loại theo hướng dẫn của Sở Y tế